

SỐ 19 - THÁNG 7 & 8 - 2015

GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO

BAN MỤC VỤ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH TỔNG GIÁO PHẬN SÀI GÒN


Nơi tôi làm việc cũng là nơi cứu độ
và thánh hóa, vậy mà...tr.26

LẠO ĐỘNG
GHÉ ĐẦU ẤN NHÂN VĂN
TRÊN CỐI TẠO THÀNH ..tr.14

Không nguyên bởi bánh...

Cho tôi chung một cánh tay,
Để thấy mình hữu ích, nhọc nhằn này sẽ chia...

Tôi có một niềm vui, miên man, chan chứa
Khi được dùng bàn tay, con tim,
khối óc thể hiện bản thân
Dẫu vốn liếng Người trao: nhỏ nhoi một nén,
hay tin cần gấp mười lần¹
Xin góp cùng anh chị em, bàn tay ta siết chặt.
Tình liên đới yêu thương,
trân trọng giọt mồ hôi lao nhọc.
Vượt thoát kiếp hoang sơ: động vật bản năng²
Vươn cao lên tầm nhân vị vinh thăng³
Làm con người theo ảnh hình Thiên Chúa
Tôi cùng với anh em tưới vun trồng tía⁴
Hoàn thiện dần, xây dựng, đắp bồi thêm
Cây Cha Trời chúc phúc cho mọc lên;
khai mở trí: sáng tạo; ban thành tựu.⁵
Sống an vui thanh thản dù bận bịu,
Dẫu nhọc nhằn, vất vả, vẫn hân hoan
Hoa trái ngọt thơm từ vườn anh,
ruộng chị gié lúa vàng,
Tôi xin chung công lái máy cày xới đất
Dù vất vả chân tay, hay nhọc lao trí óc
Công nghệ thấp cao phục vụ con người
Trước mặt Cha Trời, biết mấy nhỏ nhoi
Chỉ giá trị nơi tấm lòng cống hiến.
Kìa những công trình dựng xây,
hiên ngang, hoành tráng
Cầu vượt nâng cao tầm kiến trúc thị thành
Sẽ trợ vẳng nơi nào
thiếu bóng hình Mẹ thiên nhiên,
dịu mát sắc cây xanh



Cho mềm mại những cứng khô khoa học
Bệnh viện, thuốc men, và muôn vàn máy móc
Liệu có chữa lành thương tích thẳm sâu tim?
Liệu có ủi an dịu xoa, những vết va tằm hồn?
Khi kẻ có bốn phận cứu người
mang trái tim đông lạnh !
Trường học, thầy cô: có lấy yêu thương mà giáo dục?
Hay chỉ lạnh lùng: thành tích, tỷ lệ thôi !
Hồi niềm vui sẽ san, phục vụ – bạn đâu rồi?
Để tôi biết trân quý những cụ già, những em thơ nhỏ,
Để tôi biết chia bàn tay đỡ nâng người cơ nhỡ,
người lao động chân tay, thợ thuyền, người khuyết tật,
những số phận hẩm hiu...
Để tôi sống tinh thần bác ái bởi tình yêu
"Ai không MUỐN làm, thì đừng ăn"⁶
– luật yêu LỜI CHÚA dạy
Chúa đòi buộc tôi:
trỗi vượt trên lẽ công bằng vốn thấy
Như thuở xa xưa luật Cựu ước thực thi
Chúa muốn tôi lao động không chây ò
Nhưng tiên vàn phải kiếm tìm Nước Chúa...⁷
Và được nghỉ ngơi,
Sabat êm đềm, thiên đường ngay trần thế
Xin thánh hoá tặng phẩm tay Ngài
và lao nhọc chúng con
Xin tiến dâng Cha trong Hy tế tạ ơn
Để bánh rượi nên Thần lương Sự sống.
Vì "con người sống không chỉ nhờ cơm bánh..."⁸

CON SỐNG NHỎ

Ghi chú:

1. x. Mt 25,14-30

2-3 x. Vatican II (Hiến chế Vui mừng
và Hy vọng số 35)

4-5 x. 1 Cor 3,6

6. x. 2 Tx 3,10 (Kinh Thánh Lm Nguyễn Thế Thuấn)

7. x. Mt 6,33

8. x. Mt 4,4

“Thiên Phụ Lao Động Không Ngừng.”¹

Quý Độc Giả kính mến,

Quyền được có công ăn việc làm, hay nói vắn gọn là quyền được lao động, luôn được mọi người quan tâm và tranh đấu.² Lao động, dầu là trí óc hay tay chân, chẳng những là phương tiện cần thiết giúp con người có cơm ăn áo mặc và các tiện nghi cuộc sống, mà còn là cơ may cho họ được cùng góp công sức xây dựng thế giới này thành một nơi cư trú thân thiện, đầy ấp tình người.

Ngay từ buổi đầu sáng tạo, Thiên Chúa đã muốn con người tham gia vào việc lao động của Người khi ủy thác cho họ công trình khai thác và bảo vệ trái đất này.³ Rõ ràng không phải Thiên Chúa cần con người cộng tác, bởi lẽ ngay việc sáng tạo muôn loài từ hư vô đối với Người còn là điều quá dễ dàng. Đúng hơn, vì lao động là một thuộc tính quan trọng của nhân vị—chỉ con người mới biết lao động—và là một thành tố trong trọn gói ơn gọi làm người. Lao động chẳng những làm cho con người trở nên nhân bản hơn mà còn giúp nhận diện được con người quả thực đã được sáng tạo giống hình ảnh Thiên Chúa.⁴

Dưới ảnh hưởng ác tà của tội lỗi, con người càng lúc càng sa vào gông ách của một thứ lao động khổ sai nô dịch, vốn chỉ để thỏa mãn nhu cầu vật chất, nhưng lại đánh mất phẩm giá cao quý của mình.⁵

Trong khi khuyến khích mọi người phải làm việc để có của nuôi thân,⁶ Thánh Kinh đồng thời cũng nhấn nhủ: “Con người sống không nguyên nhờ cơm bánh, nhưng còn nhờ mọi lời miêng Thiên Chúa phán dạy.”⁷

BAN BIÊN TẬP

-
1. Ga 5:17.
 2. Xc GHXHCG, số 155.
 3. Xc St 2:15.
 4. Xc St 1:27.
 5. Xc St 25:29-34.
 6. Xc 2 Tx 3:10.
 7. Mt 4:4.

TRONG SỐ NÀY

KHÔNG NGUYÊN BỞI BÁNH... tr.2

“THIÊN PHỤ LAO ĐỘNG KHÔNG NGỪNG.” ...tr.3

TÓM TẮT CHƯƠNG LAO ĐỘNG ... tr.4

ĐGH. PHANXICÔ NÓI VỀ PHẨM GIÁ LAO ĐỘNG ... tr.12

LAO ĐỘNG GHI DẤU ẤN NHÂN VĂN .. tr.14

“CON NGƯỜI SỐNG KHÔNG CHỈ ...tr.18

ƠN GỌI CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO ...tr.20

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG VẪN CÒN ĐÂY...tr.21

VIỆT NAM THẤT THOÁT SỨC DÂN...tr.23

TAI NẠN TRONG GIỚI LAO ĐỘNG! ... tr.25

NƠI TÔI LÀM VIỆC CŨNG LÀ NƠI ... tr.26

VIỆT NAM VÀO TPP, NGƯỜI CÔNG GIÁO ...tr.26

BA CÂY CHỤM LẠI ...tr.27

NHỮNG NGHỀ TRÔNG THẤY ...tr.28

CON ONG TÌM MẬT... ...tr.29

GÁNH NẶNG ...tr.30

VÀO ĐỜI...tr.31

KỶ SỰ HUẾ (T.T)...tr.32

CÁC NỮ TU TRANH ĐẤU BẢO VỆ...tr.35

 Ảnh bìa: nguồn Internet
 LƯU HÀNH NỘI BỘ

TÓM TẮT CHƯƠNG LAO ĐỘNG

TRONG SÁCH TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI

LM. GIUSE PHAN TẤN THÀNH, O.P.

Các chữ viết tắt:

LD: Lao động

GHXH: Giáo huấn Xã hội của Giáo hội

TLHT: Sách tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội

XH: xã hội

Thông điệp:

LE: *Laborem exercens*; CA: *Centesimus annus*.

Hiển chế:

GS: *Gaudium et spes*.

Trong sách TLHT đề tài lao động được bàn ở chương 6, được phân ra làm 7 đoạn:

1. Khía cạnh Kinh thánh (số 255-266)
2. Giá trị ngôn sứ của Thông điệp *Rerum novarum* (số 267-269)
3. Phẩm giá lao động (số 270-286)
4. Quyền làm việc (số 287-300)
5. Những quyền lợi của người lao động (số 301-304)
6. Tình liên đới giữa những người lao động (số 305-309)
7. Những vấn đề mới (*res novae*) của thế giới lao động (310- 322)

Chiều dài và tầm quan trọng của các đoạn không ngang nhau. Đoạn 2 và đoạn 7 đặt vấn đề lao động trong bối cảnh lịch sử, trình bày những vấn đề mới (*res novae*) hồi thế kỷ XIX (Thông điệp *Rerum novarum*) và vào thời nay. Đoạn 1 nói đến khía cạnh Kinh thánh nhằm cung cấp cho các tín hữu ánh sáng của Lời Chúa, nhưng có lẽ sẽ khó sử dụng được cho những người ngoài Kitô giáo. Đoạn 3 có thể coi như căn bản cho mọi hình thức lao động, (được khai triển trong ba đoạn tiếp theo), dựa theo Thông điệp *Laborem exercens* của đức thánh cha Gioan Phaolô II.

I. Khía cạnh Kinh thánh

Mọi suy tư thần học đều bắt đầu bằng Lời Chúa. Như vừa nói, những điều nói ở đây có giá trị cho các Kitô hữu, chứ chưa hẳn có sự thuyết phục các tôn giáo khác. Mặt khác, Kinh thánh nói đến “lao động” dưới khía cạnh thần học luân lý và tu đức, hơn là những khía cạnh kinh tế xã hội vào thời đại chúng ta. Chúng ta sẽ trở lại điều này trong Mục 2 (nhận xét).

Đoạn này gồm có ba khoản: 1/ Cựu ước: sứ mệnh lao động vào lúc tạo dựng. 2/ Tân ước: Đức Kitô gương mẫu lao động. 3/ Nghĩa vụ làm việc dựa theo các thánh tông đồ và các giáo phụ.

A. Nghĩa vụ khai khẩn và bảo tồn trái đất

1/ Trong chương trình của Đấng Tạo

Hoá, các vật thụ tạo được dựng nên để phục vụ con người (số 255).

- Cựu ước trình bày Thiên Chúa như là Đấng Tạo Hoá quyền năng (St 2,2).
- Thiên Chúa nặn lên con người theo hình ảnh của Ngài và mời gọi con người canh tác trái đất (St 1,28).
- Con người được đặt làm quản lý vũ trụ, nhưng không có quyền khai thác vũ trụ một cách vô trách nhiệm.

2/ Lao động là một điều kiện của con người ngay từ lúc khai nguyên, trước khi sa ngã. Vì thế lao động không phải là một sự trừng phạt hoặc là một lời chúc dữ cho con người (số 256). Lao động trở thành nặng nhọc vất vả do tội lỗi của ông Adam và bà Evà (St 3,6-8). Con

người phải từng phục Thiên Chúa trong việc quyết định điều gì là tốt hay xấu. Con người không có quyền thống trị tuyệt đối trên vạn vật. Dù sao, kế hoạch của Thiên Chúa vào lúc khai nguyên vẫn không thay đổi: con người được mời gọi canh tác và giữ gìn vũ trụ.

3/ Lao động là một điều thiết yếu đối với con người, nhưng nguyên ủy và cứu cánh của con người là Thiên Chúa, chứ không phải là lao động (số 257). Cần phải tôn trọng lao động, bởi vì nó là nguồn gốc của giàu có và phong lưu. Nó là một dụng cụ hữu hiệu để chống lại sự nghèo nàn (Cn 10,4). Tuy nhiên đừng để cho lao động trở thành ngẫu tượng. “Thà rằng ít tiền của mà liêm khiết, còn hơn là giàu sang mà thiếu công bằng” (Cn 16,8).

4/ Tội đình của giáo huấn của Kinh thánh về lao động là lệnh truyền phải nghỉ ngơi ngày sabát (số 258). Nó mở ra cho con người viễn ảnh của một sự tự do hoàn toàn, vào ngày Sabát vĩnh cửu (Hr 4,9-10). Sự nghỉ ngơi cho phép con người được nhắc nhớ và sống lại những công trình của Thiên Chúa trong việc tạo dựng và cứu chuộc, và để tạ ơn Ngài.

Cảm nghiệm về ngày sabát là thành lũy chống lại nạn làm nô lệ cho lao động và chống lại tất cả mọi hình thức khai thác bóc lột. Ngoài "ngày sabát" hằng tuần, Cựu ước còn có chế độ "năm sabát" theo chu kỳ bảy năm (Xh 23,10-11), trong đó, người giàu hạn chế quyền khai thác tài sản nhằm giúp đỡ người nghèo; điều này cũng nhắc nhớ rằng việc thu tích tài sản của một thiểu số có thể đưa đến việc truất hữu tài sản của nhiều người khác¹.

B. Đức Giêsu, một con người làm việc

1/ Trong các bài giảng, Đức Giêsu đã dạy dỗ chúng ta hãy biết quý trọng sự làm việc (số 259). Chính Người đã nêu gương làm việc tay chân trong xưởng thợ mộc. Người lên án thái độ của người tôi tớ lười biếng (Mt 25,14-30), và khen ngợi người tôi tớ trung thành và khôn ngoan (Mt 24,46).

Người diễn tả sứ mệnh của mình như là một công tác (làm việc): "Cha của tôi vẫn làm việc và chính tôi cũng làm việc" (Ga 5,17). Người cũng diễn tả sứ mệnh của các môn đệ như là những người làm việc trong mùa gặt của Chúa (Mt 9,37-38). "Người thợ đáng hưởng tiền lương của mình" (Lc 10,7).

2/ Đức Giêsu dạy con người đừng trở thành nô lệ cho lao động (số 260). Tiên vàn con người hãy lo cứu rỗi linh hồn mình (Mc 8,36). Đừng vì tìm kiếm lợi lộc mà xao lãng Nước Thiên Chúa và công lý của Ngài.

3/ Ý nghĩa cao quý nhất của lao động ở chỗ hoạt động để giải phóng khỏi sự dữ, thực hành tình huynh đệ và chia sẻ, nhờ đó giúp cho

nhân loại tiến về ngày Sabát vĩnh cửu (số 261). Đức Giêsu nỗ lực hoạt động không ngừng để giải thoát con người khỏi bệnh tật, đau khổ và cái chết. "Ngày sabát được làm ra cho con người, chứ không phải con người được làm ra cho ngày sabát" (Mc 2,27).

4/ Trong các văn phẩm, thánh Phaolô và thánh Gioan mở ra những viễn tượng mới của công cuộc tạo dựng (số 262). Vạn vật là một công trình tuyệt tác của Ba Ngôi Thiên Chúa (Ga 1,3; 1 Cr 8,6; Cl 1,15-17). Vũ trụ không phải là một khối hỗn mang nhưng là một kiệt tác. Con người được mời gọi hãy chiêm ngắm kỳ công của Thiên Chúa, và tham gia bằng những việc làm của mình. Những vất vả lao nhọc khi làm việc mang giá trị cứu độ nếu biết kết hợp với Thánh giá của Đức Kitô (số 263).

C. Bốn phận làm việc

1/ Các Kitô hữu cần phải sống đời lao động giống như cung cách của Đức Kitô (Số 264). Mọi người phải làm việc, chứ không ăn bám người khác (2Tx 3,7-15; 6,12). Cần phải bày tỏ tình liên đới qua việc chia sẻ những hoa trái của việc làm. Mỗi người lao công đều đáng hưởng tiền lương (Gc 5,4).

2/ Các giáo phụ không coi lao động như là "công việc của nô lệ" nhưng như là "việc làm của con người" (số 265). Nhờ làm việc mà con người cai quản vũ trụ với Thiên Chúa, và làm chủ thế giới cùng với Ngài. Sự ăn không ngồi rồi gây thiệt hại cho con người, còn hoạt động thì làm lợi cho thân xác và tinh thần. Người Kitô hữu làm việc cho bản thân và gia đình của mình, cũng như cho người nghèo. Theo thánh Ambrôsiô, mỗi người thợ là bàn tay của Đức Kitô, Người tiếp tục tạo dựng và làm lành cho tha nhân.

3/ "Ora et labora"²: cầu nguyện và làm việc! (số 266). Nhờ đức mến định hướng, việc làm trở nên cơ hội chiêm niệm.

II. Giá trị tiên tri của Thông điệp Rerum Novarum

(Đoạn này ôn lại lý do của việc Giáo hội lên tiếng về vấn đề lao động trong thế kỷ XIX-XX)

1/ Cuộc cách mạng kỹ nghệ đã gây ra một thách đố cho Giáo hội (số 267). Vào thế kỷ XIX, xã hội đã biến chuyển từ nông nghiệp sang cơ khí.

- Cách tổ chức lao động mới của kỹ nghệ đã tạo ra cảnh khai thác các công nhân.

- Cảnh lầm than của giới công nhân đã trở thành cơ hội để cho chủ nghĩa xã hội và cộng sản khai thác cuộc tranh đấu chính đáng của giới thợ thuyền.

- Từ đó nảy ra "vấn đề lao động", nghĩa là sự khai thác các công nhân.

2/ Thông điệp Rerum Novarum tiên vàn là lời bảo vệ hăng say cho phẩm giá bất khả nhượng của các công nhân (số 268). Giáo hội gắn liền phẩm giá ấy với:

- quyền tư hữu;

- nguyên tắc hợp tác giữa các giai cấp;

- những quyền lợi của những kẻ yếu kém và nghèo khó;

- những nghĩa vụ của các công nhân và chủ nhân;

- quyền lập hội.

Thông điệp nhấn mạnh đến việc đem tinh thần Kitô giáo thấm nhập vào xã hội, qua các nghiệp đoàn, các trung tâm nghiên cứu xã hội, các hiệp hội công nhân và hợp tác xã, các ngân hàng nông dân, việc bảo hiểm và cơ quan cứu trợ, v.v...

Chiến dịch thấm nhập tinh thần Kitô giáo vào xã hội đã góp phần thúc đẩy công cuộc soạn thảo những luật lao động: bảo vệ các công nhân, cách riêng phụ nữ và trẻ em; việc huấn luyện; cải thiện lương bổng và vệ sinh nơi làm việc.

3/ Lao động là một chìa khóa then chốt của vấn đề xã hội, chi phối sự phát triển của toàn thể nhân loại về mọi phương diện: kinh tế, văn hóa, luân lý (số 269). Vấn đề này dần dần mang những chiều kích toàn cầu. ►

- Thông điệp *Laborem excercens* bổ túc thêm nhiều suy tư mới về khía cạnh nhân bản của lao động, về những ý nghĩa của nó đứng trước những câu hỏi mới được đặt lên.

III. Phẩm giá của lao động

Đây là đoạn quan trọng nhất xét về đạo lý. Lao động được phân tích dưới nhiều khía cạnh: chủ thể và khách thể; xã hội; nghĩa vụ.

A. Chiều kích chủ thể và khách thể của lao động

Vì là một nhân vị mà con người là chủ thể lao động (số 270).

1/ Ý nghĩa khách thể của lao động: Đó là toàn thể những hoạt động, tài nguyên, dụng cụ và kỹ thuật mà con người sử dụng để sản xuất. Đây là khía cạnh hay thay đổi của hoạt động con người.

2/ Ý nghĩa chủ thể của lao động: Lao động xét như là hành động của con người, một nhân vị, nghĩa là chủ thể có lý trí và ý chí. Đây là khía cạnh bền vững, nó không tùy thuộc vào loại công tác hoặc kết quả do mình làm ra.

3/ Chiều kích chủ thể mang lại phẩm giá cho lao động (số 271). Không được phép đối xử con người như một món hàng. Con người là tiêu chuẩn đo lường phẩm giá lao động. Vì thế những điều sau đây làm mất đi bản tính của lao động:

- Người công nhân bị coi như một lực lượng sản xuất dựa theo cái nhìn duy vật và kinh tế.
- Đặt chiều kích khách thể lên trên chiều kích chủ thể: lao động và kỹ thuật được coi là quan trọng hơn chính con người.

4/ Mục tiêu của lao động bao giờ cũng là con người, chứ không phải là đối tượng khách thể của việc làm (số 272). Lao động là vì con người, chứ không phải là con người vì lao động.

5/ Lao động của con người tự nó bao hàm một *chiều kích xã hội* (số 273). Làm việc là làm việc với người khác và cho người khác. Những kết quả của lao động cũng là cơ hội

của những sự trao đổi, những mối tương quan, những cuộc gặp gỡ.

- Điều kiện để cho hoạt động của con người mang lại thành quả dồi dào: xã hội được tổ chức thành những đoàn thể; hệ thống xã hội và pháp lý biết bảo vệ lao động; tình liên đới nghề nghiệp; sự kết hợp giữa trí tuệ, tư bản, lao động.

- Để đánh giá đúng mức việc làm và trả lương cân xứng, cần phải xét đến khía cạnh vừa cá nhân vừa xã hội của lao động.

6/ Làm việc cũng là một *bổn phận của con người* (số 274). Đây là một đòi hỏi của Đấng Tạo hoá cũng như yêu sách của sự phát triển nhân cách. Làm việc là một nghĩa vụ đối với tha nhân: gia đình, xã hội, quốc gia. Chúng ta là những người thừa kế của công lao của các thế hệ trước ta, và là những kẻ kiến tạo tương lai cho những người đến sau ta.

7/ Lao động xác nhận căn cước thâm thúy của con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa (số 275). Con người được làm chủ thể giới hữu hình theo kế hoạch nguyên thủy của Đấng Tạo hoá. Con người không phải là chủ nhân của vũ trụ, nhưng chỉ là quản lý, được mời gọi phản ánh Đấng Tạo hoá nơi việc làm của mình.

B. Tương quan giữa lao động và tư bản

1/ Vì mang tính cách nhân vị nên chi lao động đứng trên tất cả những thành tố sản xuất khác (số 276). Do khía cạnh chủ thể, lao động đứng trên tư bản vật chất: các phương tiện sản xuất, nguồn tài chính, các hoạt động thị trường chứng khoán, vv...

2/ Lao động tự bản chất đi trước tư bản; đôi bên bổ túc cho nhau (số 277). Lao động đi trước, bởi vì là nguyên nhân tác thành; tư bản chỉ là nguyên nhân dụng cụ. Bổ túc, bởi vì cả hai đều liên hệ mật thiết trong tiến trình sản xuất. "Không thể có tư bản mà không có lao động, cũng như không thể có lao động mà không có tư bản" (Thông điệp *Rerum Novarum*). Vì thế sẽ là

sai lầm nếu cho rằng chỉ có tư bản hoặc chỉ có lao động là nguyên nhân độc nhất của những gì đã được sản xuất.

3/ Khi bàn về tương quan giữa lao động và tư bản, cần nhớ rằng con người chính là "nguyên liệu chính yếu", và "yếu tố quyết định" nằm ở trong tay con người (số 278). "Sự phát triển toàn diện con người trong lao động sẽ làm tăng gia chứ không đi ngược với nhịp độ sản xuất và hiệu năng của chính lao động" (Thông điệp CA số 43). Ngày nay, chiều kích chủ thể có khuynh hướng mang tính quyết định và quan trọng hơn là chiều kích khách thể. (Điều này khác với quá khứ, khi mà con người bị đối xử như một cái máy).

4/ Tương quan giữa lao động và tư bản thường mang những dấu tích của xung đột (số 279). Trước đây, các doanh nhân, do nguyên tắc lợi nhuận, tìm cách giữ đồng lương ở mức thấp nhất có thể. Ngày nay, trong khung cảnh của tiến bộ kỹ thuật và toàn cầu hóa, những người thợ có nguy cơ bị khai thác bởi những bộ máy kinh tế và thi đua sản xuất.

5/ Tiến trình vượt qua sự lệ thuộc của lao động vào vật chất tự nó không đủ khả năng để vượt qua sự tha hóa về nơi làm việc và ngay cả về lao động (số 280). Lao động xâm nhập vào những chiều kích khác cũng cần thiết cho con người: đời sống gia đình.

C. Lao động, cứ điểm cho sự tham gia

Sự tham gia của các công nhân vào sở hữu, sự quản trị và những hoa trái của sở hữu (số 281). Các công nhân cần được nhìn nhận như là đồng sở-hữu-chủ của doanh nghiệp: như vậy là kết hợp lao động với việc sở hữu tư bản. Nên nghĩ ra việc thiết lập những cơ cấu nhằm mục tiêu kinh tế, xã hội và văn hóa (LE số 14).

D. Tương quan giữa lao động và tư hữu

1/ Tư hữu được thủ đắc nhờ lao động, vì thế cần phải phụng sự lao

động (số 282). Điều này cần được áp dụng cách riêng đối với việc chiếm hữu các phương tiện sản xuất, cũng như các tài sản thuộc thế giới tài chính, kỹ thuật, trí tuệ, nhân sự. Các phương tiện sản xuất không thể được chiếm hữu để chống lại lao động, cũng như không thể được chiếm hữu nguyên chỉ để chiếm hữu (LE số 14). Quyền tư hữu phải tùy thuộc nguyên tắc về các tài nguyên được dành cho tất cả mọi người; cũng vậy, quyền tư hữu không được ngăn cản lao động và sự phát triển của tha nhân. Nếu làm ngược lại thì quyền tư hữu trở thành bất hợp pháp, chẳng hạn như khi tư hữu làm ngăn trở lao động của tha nhân, bóc lột, phá vỡ tình liên đới trong giới lao động, v.v...

2/ Tư hữu tư và công cần được sắp xếp nhằm đến một nền kinh tế phục vụ con người (số 283). Các kiến thức và kỹ thuật mới cũng được dành cho toàn thể nhân loại, cũng giống như việc sở hữu đất đai và tư bản. Sự tập trung kiến thức và kỹ thuật vào những quốc gia tiến bộ và vào tay một thiểu số nắm quyền có nguy cơ đưa đến nạn thất nghiệp và khơi rộng hố ngăn cách giữa những người giàu và người nghèo.

E. Việc nghỉ ngơi các ngày lễ (số 284)

1/ “Vào ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi sau tất cả những gì đã làm” (St 2,2). Vào ngày chúa nhật và lễ buộc, các tín hữu hãy ngưng những công tác hoặc hoạt động nào làm ngăn cản sự thờ phượng Thiên Chúa, niềm vui riêng của Ngày của Chúa, thi hành các công tác từ thiện, và thư giãn tinh thần và thể xác (GLHTCG số 2185).

2/ Chúa nhật là một ngày cần được thánh hóa bằng đức ái thực hành (số 285): quan tâm đến các phần tử trong gia đình; thăm viếng những người bệnh tật, già lão. Dành thời giờ thích hợp để suy tư, tĩnh lặng, học hỏi những điều giúp thăng tiến đời sống nội tâm và đạo đức. Chúa nhật là ngày giải thoát, tiên báo

niềm vui trên trời (xc. Hr 12,22-23).

3/ Chính quyền phải để ý lo liệu sao cho các công dân không bị tước mất thời gian dành cho việc nghỉ ngơi và phụng tự, dưới danh nghĩa là tăng gia sản xuất kinh tế (số 286). Các Kitô hữu phải đòi hỏi để pháp luật nhìn nhận những chúa nhật và ngày lễ trọng như là ngày nghỉ việc.

IV. Quyền làm việc

Trong đoạn này, Sách TLHT bàn đến quyền làm việc nhìn cách tổng quát cũng như từ phía một vài thành phần xã hội: các phụ nữ, trẻ em, người di cư, nông dân.

A. Sự cần thiết của công ăn việc làm

1/ Làm việc là một quyền lợi căn bản và một điều thiện đối với con người (số 287). Lao động là một giá trị cho cá nhân, đồng thời cũng là một điều cần thiết để thành lập và nuôi sống gia đình; thủ đắc tài sản; đóng góp vào công ích. Thất nghiệp là một tệ nạn xã hội, cách riêng đối với các thế hệ trẻ.

2/ Làm việc là một điều thiện cho hết mọi người, và phải nằm trong tầm tay của những người có khả năng (số 288). Mục tiêu của hết mọi hệ thống kinh tế nhằm đến công bình và công ích là phải tạo ra công ăn việc làm cho hết mọi người. Đây là một trách nhiệm nặng nề của những người hoặc cơ quan định hướng chính sách lao động và kinh tế trên bình diện quốc gia và quốc tế.

3/ Một hệ thống kinh tế được đánh giá qua những viễn ảnh lao động mà nó có thể cung cấp (số 289). Nạn thất nghiệp là một thảm cảnh đè nặng trên nhiều tầng lớp xã hội.

4/ Tầm quan trọng của hệ thống giáo dục và đào tạo (số 290). Hệ thống giáo dục phải cho phép đối diện với nhu cầu thay đổi việc làm nhiều lần trong suốt thời kỳ lao động. Các bạn trẻ phải học cách đối phó với những rủi ro kèm theo bối cảnh kinh tế hay thay đổi và những diễn biến không thể lường được.

Vai trò của Nhà Nước và xã hội dân sự

trong việc cổ động quyền làm việc

1/ Nhà Nước có nhiệm vụ cổ võ những chính sách thúc đẩy lao động (số 291). Tuy nhiên Nhà Nước không có phận sự phải bảo đảm trực tiếp quyền làm việc của các công nhân bằng cách chỉ huy tất cả đời sống kinh tế. Nhà Nước cần nâng đỡ hoạt động của các doanh nghiệp, bằng cách tạo ra những điều kiện cho phép cung cấp việc làm.

2/ Cần cổ võ sự hợp tác hữu hiệu giữa các chính phủ (số 292). Ngày nay các tương quan kinh tế tài chánh và thị trường lao động mang tầm kích toàn vũ. Vì thế cần phải ký kết những thoả ước và những hành động chung nhằm bảo vệ quyền làm việc và lương bổng. Trong lãnh vực này, các tổ chức quốc tế và nghiệp đoàn có vai trò quan trọng.

3/ Nên khuyến khích các mô hình “tự quản trị” mà thông điệp *Rerum novarum* đã đề cập để cổ võ quyền làm việc (số 293).

B. Gia đình và quyền làm việc

Lao động là nền tảng xây dựng gia đình. Đời sống gia đình và lao động chi phối lẫn nhau bằng nhiều cách: có những thứ lao động gây thiệt hại cho gia đình, và có những khủng hoảng gia đình gây ảnh hưởng tiêu cực cho lao động (số 294). Cần tránh hai điều sai lầm: quan niệm tư riêng về gia đình và quan niệm kinh tế về lao động.

C. Phụ nữ và lao động (số 295)

Tất cả mọi hình thức xã hội đều cần đến thiên tài người phụ nữ. Cần làm thế nào để cho các phụ nữ có thể tham gia vào ngành lao động, qua việc đào tạo nghề nghiệp cho họ, cũng như tổ chức công việc cách nào để phụ nữ không mất đi nữ tính và những nghĩa vụ gia đình (cách riêng đối với các bà mẹ).

D. Lao động của các trẻ em (số 296)

Lao động của các trẻ em là một điều cưỡng bức. Các trẻ em chỉ được nhận vào giới lao động vào tuổi mà các em đã phát triển các sức lực thể lý, trí tuệ và luân lý (*Rerum novarum*, số 11). Học thuyết xã hội tổ cáo sự tăng gia ►

- ▶ nạn khai thác lao động trẻ em dưới những điều kiện làm nô lệ.

E. Di dân và lao động

1/ Hiện tượng người di dân có thể là một nguồn lợi thay vì là một gánh trở cho sự phát triển (số 297). Hiện tượng di dân càng ngày càng gia tăng; những người gốc từ những miền nghèo khổ muốn đi tìm những điều kiện sinh sống khá hơn. Hiện tượng di dân thường bị coi như là mối đe dọa cho những nước tiên tiến, nhưng trên thực tế, những người di cư đáp ứng cho một nhu cầu nhân công tại đây.

2/ Những nước đón tiếp cần tạo ra những điều kiện bảo đảm quyền lợi cho người di dân (số 298): quy định những điều kiện nhập cư theo tiêu chuẩn công bình, ngõ hầu có thể tìm công ăn việc làm xứng hợp cho người di dân; tránh việc bóc lột công nhân nước ngoài; tạo cơ hội đoàn tụ gia đình và hòa nhập vào xã hội. Đồng thời, trong tầm mức có thể, các nước tiên tiến cố gắng cải thiện điều kiện sinh sống tại những nước kém mở mang, để người dân địa phương không còn phải di cư nữa.

F. Nông dân và quyền làm việc

1/ Giới nông dân cần được quan tâm đặc biệt (số 299), vì vai trò xã hội, văn hóa và kinh tế của họ, cũng như vì nhu cầu cần bảo vệ môi trường. Cần phải cải thiện tận gốc để nông nghiệp lấy lại giá trị chính đáng của mình là nền tảng của nền kinh tế.

2/ Tại vài quốc gia, việc tái phân chia ruộng đất trở thành khẩn trương (số 300). Sự phát triển kinh tế đòi hỏi phải xóa bỏ những diện tích ruộng lớn không sản xuất. Việc cải cách ruộng đất không phải là một vấn đề chính trị, nhưng còn là một nghĩa vụ luân lý.

V. Những quyền lợi của các công nhân

Đoạn vừa rồi nói đến quyền làm việc, đoạn này nói những quyền lợi của người làm việc. Trước tiên là bản liệt kê các quyền lợi của công nhân; kế đó là xét hai vấn đề cụ thể: lương

bổng và quyền đình công.

A. Phẩm giá các công nhân và việc tôn trọng những quyền lợi của họ

Những quyền lợi của các công nhân, cũng như tất cả những quyền khác, dựa trên bản tính của nhân vị và trên phẩm giá siêu việt của con người (số 301).

Một vài quyền lợi được Huấn quyền xã hội của Giáo hội nhắc đến (LE số 19): quyền được trả lương công bằng; quyền nghỉ ngơi; quyền được sử dụng những phương pháp làm việc không thương tổn đến sự toàn vẹn luân lý và thể lý; quyền không bị cưỡng bức về lương tâm và nhân phẩm; quyền được trợ cấp khi thất nghiệp, đau ốm, già cả, bị tai nạn lao động; quyền được hưởng những biện pháp xã hội liên quan đến thời kỳ sinh con; quyền được hội họp và lập hội.

Những quyền này bị vi phạm khi: trả lương thấp kém; không được che chở; không có đại biểu để tranh đấu quyền lợi; những điều kiện làm việc thiếu nhân đạo.

B. Quyền được trả lương công bằng và phân chia lợi tức

1/ Lương bổng là dụng cụ quan trọng nhất để thực hiện công bằng trong các tương quan lao động (số 352). Tiền lương được gọi là công bằng căn cứ vào công tác và kết quả của người thợ; tình hình của doanh nghiệp và công ích. Tiền lương công bằng cũng phải lưu ý đến chiều kích gia đình, bảo đảm cho gia đình một đời sống xứng đáng về phương diện vật chất, xã hội, văn hóa và tinh thần. Sự thỏa thuận giữa người chủ và người thợ chưa đủ để ấn định tiền lương công bằng. Sự công bằng tự nhiên thì đi trước và ở trên sự tự do kết ước.

2/ Nền kinh tế thịnh vượng của một quốc gia còn được đo lường bằng sự công bằng trong việc phân phối lợi tức (số 303). Sự phân phối lợi tức cách công bằng dựa trên những tiêu chuẩn sau đây: công bằng giao hoán; công bằng xã hội, xét đến giá trị khách quan của những sự đóng góp công sức lao

động, phẩm giá của người thợ; những công trạng và nhu cầu của mỗi người công dân.

C. Quyền đình công

Học thuyết xã hội nhìn nhận tính cách hợp pháp của việc đình công (số 304). Đây là giải pháp hợp pháp sau khi các phương án giải quyết tranh chấp không có hiệu quả. Thế thức đình công phải có tính cách ôn hòa để tranh đấu quyền lợi. Việc đình công không phù hợp với luân lý khi nhắm đến các mục tiêu không trực tiếp liên quan đến điều kiện làm việc, hoặc đi ngược lại với công ích.

VI. Tình liên đới giữa các công nhân

Đoạn này tiếp nối tư tưởng của đoạn trước: trong số những quyền lợi của các công nhân, có quyền thành lập hiệp hội (nghệ đoàn) để bảo vệ các quyền lợi ấy.

A. Tầm quan trọng của các nghiệp đoàn

1/ Khi theo đuổi mục tiêu cụ thể nhằm phục vụ công ích, các tổ chức nghiệp đoàn góp phần vào việc xây dựng trật tự xã hội và tình liên đới (số 306). Lý do hiện hữu của các nghiệp đoàn là: bảo vệ các quyền lợi chính đáng của các công nhân; xây dựng tình liên đới và trật tự xã hội.

2/ Những tương quan giữa các công nhân phải dựa trên sự hợp tác (số 306). Vì thế cần loại bỏ sự hận thù và tranh đấu nhằm diệt trừ giới tư bản. Các nghiệp đoàn không phải là những người phát ngôn của cuộc đấu tranh giai cấp để giật lấy quyền cai trị. Các nghiệp đoàn là những người tranh đấu cho công bằng xã hội, tranh đấu cho quyền lợi các công nhân.

3/ Ngoài ra, các nghiệp đoàn còn đóng vai trò đại diện nhắm đến việc tổ chức đời sống kinh tế (số 307). Các nghiệp đoàn cũng có vai trò đào tạo lương tâm xã hội cho các công nhân để phục vụ công ích. Các nghiệp đoàn cũng có thể nhắc nhở chính quyền để họ biết quan tâm đến các công nhân. Tuy nhiên các nghiệp đoàn không phải

là đảng phái chính trị, và không nên gắn chặt với các đảng phái.

B. Những hình thức mới của tình liên đới

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, các nghiệp đoàn được mời gọi hoạt động theo những hình thức mới (số 308): những hình thức hợp đồng mới, có thời hạn; việc sát nhập các doanh nghiệp với hậu quả gây ra cho quyền làm việc của các công nhân; quyền lợi của những người di dân, vv... Vì thế cần chú trọng đến giá trị chủ thể của lao động, chứ không chỉ nhằm đến ích lợi kinh tế, lợi nhuận.

VII. Những điều mới "Res novae" trong thế giới lao động



Đoạn này nói đến những viễn tượng mới được mở ra do những hoàn cảnh kinh tế xã hội hiện nay. Nhiều điều có thể bổ túc thêm ở thông điệp *Caritas in veritate*.

A. Một chặng chuyển tiếp lịch sử

1/ Những sự thay đổi trong việc tổ chức việc làm và hiện tượng toàn cầu hoá (số 310).

- Vài đặc trưng của toàn cầu hoá: Những hình thức sản xuất mới; Chuyển dời các cơ xưởng sang những khu vực địa lý xa với các cơ quan giữ quyền quyết định điều hành; Sự xa cách giữa nơi sản xuất và nơi tiêu thụ

- Những yếu tố thuận lợi cho sự toàn cầu hoá: Tốc độ giao lưu trong không gian và thời gian; sự vận chuyển dễ dàng về nhân lực và tài sản.

- Hậu quả: Sự xa cách giữa tư bản với điều kiện xã hội tại nơi sản xuất.

2/ Một trong những đặc trưng quan trọng nhất của việc tổ chức lao động mới mẻ là sự phân tán về thể lý của chu trình sản xuất (số 311). Mục tiêu là đạt được hiệu năng và lợi nhuận cao hơn. Hậu quả là sự chuyển biến các yếu tố không gian-thời gian đưa đến sự thay đổi trong cơ cấu làm việc. Từ đó gây ra nhiều sự thay đổi các cá nhân và cộng đoàn xét về vật chất, văn hoá, các giá trị. Thách đố đặt ra vào thời buổi hôm nay cũng có thể sánh được với thời buổi đầu tiên của cuộc cách mạng kỹ nghệ.

3/ Vì thế cần phải quan tâm đến việc định hướng các hoạt động xã hội và chính trị dựa theo những cách thức mới của việc tổ chức lao động (số 312): thị trường tự do; cổ võ sự cạnh tranh; tăng gia những doanh nghiệp chuyên về cung cấp các sản phẩm và dịch vụ.

4/ Hiện đang có sự chuyển dạng từ một nền kinh tế kỹ nghệ sang một nền kinh tế chú trọng đến các dịch vụ và các đổi mới kỹ thuật (số 313). Do những đổi mới kỹ thuật, nảy sinh nhiều nghề mới, và biến đi một số nghề khác. Mô hình kinh tế và xã hội cổ điển gắn với doanh nghiệp lớn; ngày nay ta thấy nảy sinh những nghề nghiệp mới trong lãnh vực các dịch vụ.

5/ Việc tổ chức lao động trước đây mang tính cố định vững bền dựa

trên hợp đồng; ngày nay đã nhường chỗ cho những việc làm linh động, ngắn hạn (số 314). Tình trạng gây ra sự mất ổn định về việc làm: nạn thất nghiệp trở thành nếp bởi vì khó lựa chọn việc làm thích hợp; các chế độ bảo hiểm lao động cũng trở thành bấp bênh. Tại các nước đang phát triển, tình trạng này còn trở thành tồi tệ hơn, bởi vì thiếu những hệ thống huấn nghệ, thiếu những luật pháp bảo vệ công nhân, thiếu hệ thống bảo hiểm.

6/ Sự phân tán tiến trình sản xuất tạo ra nhiều doanh nghiệp cỡ nhỏ hay cỡ trung bình bên cạnh ngành thủ công nghệ cổ truyền (số 315). Các hoạt động mới phát sinh những công việc tự lập, với những rủi ro của nó. Các doanh nghiệp nhỏ tạo ra bầu không khí thân mật hơn, với nhiều sáng kiến hơn; nhưng cũng mang nhiều rủi ro hơn, vì tính cách bấp bênh của nó.

7/ Tại các nước đang phát triển, nảy ra nhiều hoạt động "ngầm" (chui), với nhiều hứa hẹn kinh tế, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề về luân lý và pháp lý (số 316): mức sản xuất thấp, lợi tức cũng thấp, không đủ bảo đảm nhu cầu sinh sống cho gia đình.

B. Giáo huấn xã hội và thực trạng mới (res novae)

1/ Đứng trước những sự thay đổi này, cần phải tránh sự sai lầm khi cho rằng những thay đổi này xảy đến cách tất định (số 317). Yếu tố quyết định các sự thay đổi này luôn luôn là con người. Con người cần đảm nhận trách nhiệm quản lý các sự canh tân thay đổi hiện nay nhằm để giúp cho sự thăng tiến các cá nhân, gia đình, xã hội và toàn thể gia đình nhân loại. Cần phải dành chỗ ưu tiên cho chiều kích chủ thể của lao động.

2/ Những nhu cầu cụ thể và khẩn trương của con người vượt lên trên những phạm trù thuần túy kinh tế (số 318). Những lý giải về hoạt động sản xuất theo kiểu máy móc và kinh tế đã bị bắt bẻ do sự phân tích khoa học của các vấn đề gắn liền với lao động. Lao động là một ►

- ▶ hoạt động tự do và sáng tạo của con người. Các nhu cầu của con người không chỉ giới hạn vào sự chiếm hữu; bản chất và ơn gọi của con người còn duy trì liên hệ với Đấng Siêu Việt.

3/ Trước nguy cơ của sự già yếu các quyền lợi căn bản, cần phải nghĩ ra những hình thức liên đới mới (số 319): giữa các thể chế quốc gia và quốc tế, giữa nền kinh tế cũ và mới; giữa sự canh tân kỹ thuật và nhu cầu bảo vệ lao động; giữa sự tăng trưởng kinh tế và sự phù hợp với môi trường.

4/ Các nhà khoa học và những nhà trí thức được mời gọi hãy góp phần vào việc tìm ra những giải pháp công bằng (số 320): vạch ra những cơ may và rủi ro trong các sự thay đổi; đề nghị những đường hướng hoạt động để hướng dẫn sự thay đổi theo chiều hướng thuận lợi cho sự phát triển của toàn thể gia đình nhân loại, nhờ những chính sách kinh tế.

5/ Đứng trước tình thế mất quân bình hiện nay, cần tái lập hệ trật tự các giá trị, đặt phẩm giá của con người lên hàng đầu (số 321). Cần phải xúc tiến tiến trình phát triển tình liên đới ở tầm mức thế giới, như điều kiện sống còn của các dân tộc. Cần phải toàn cầu hóa tình liên đới, làm sao để cho con người trở thành chủ động chứ không phải là công cụ của các sự thay đổi.

6/ Khung cảnh toàn cầu hóa hiện nay mở ra một viễn tượng để cao khuynh hướng tự nhiên của con người là muốn thiết lập những tương quan (số 322). Cần khẳng định rằng tiên vàn chiều kích hoàn vũ thuộc về con người, chứ không phải về đồ vật. Kỹ thuật có thể là nguyên nhân dụng cụ cho sự toàn cầu hóa, nhưng nguyên nhân đệ nhất phải là tính toàn cầu của gia đình nhân loại. Lao động cũng mang một chiều kích hoàn vũ (toàn cầu). Bên cạnh những khía cạnh tiêu cực của hiện tượng toàn cầu hoá, chúng ta nên nhận ra những khía cạnh tích cực được mở

ra, đó là tình liên đới của thế giới lao động. Con người càng ý thức hơn ơn gọi liên đới hoàn vũ của mình.

C. Quyền đình công

Học thuyết xã hội nhìn nhận tính cách hợp pháp của việc đình công (số 304). Đây là giải pháp hợp pháp sau khi các phương án giải quyết tranh chấp không có hiệu quả. Thể thức đình công phải có tính cách ôn hòa để tranh đấu quyền lợi. Việc đình công không phù hợp với luân lý khi nhắm đến các mục tiêu không trực tiếp liên quan đến điều kiện làm việc, hoặc đi ngược lại với công ích.

VIII. Tình liên đới giữa các công nhân

Đoạn này tiếp nối tư tưởng của đoạn trước: trong số những quyền lợi của các công nhân, có quyền thành lập hiệp hội (nghịệp đoàn) để bảo vệ các quyền lợi ấy.

A. Tầm quan trọng của các nghiệp đoàn

1/ Khi theo đuổi mục tiêu cụ thể nhằm phục vụ công ích, các tổ chức nghiệp đoàn góp phần vào việc xây dựng trật tự xã hội và tình liên đới (số 306). Lý do hiện hữu của các nghiệp đoàn là: bảo vệ các quyền lợi chính đáng của các công nhân; xây dựng tình liên đới và trật tự xã hội.

2/ Những tương quan giữa các công nhân phải dựa trên sự hợp tác (số 306). Vì thế cần loại bỏ sự hận thù và tranh đấu nhằm diệt trừ giới tư bản. Các nghiệp đoàn không phải là những người phát ngôn của cuộc đấu tranh giai cấp để giật lấy quyền cai trị. Các nghiệp đoàn là những người tranh đấu cho công bằng xã hội, tranh đấu cho quyền lợi các công nhân.

3/ Ngoài ra, các nghiệp đoàn còn đóng vai trò đại diện nhắm đến việc tổ chức đời sống kinh tế (số 307). Các nghiệp đoàn cũng có vai trò đào tạo lương tâm xã hội cho các công nhân để phục vụ công ích. Các nghiệp đoàn cũng có thể nhắc nhở chính quyền để

họ biết quan tâm đến các công nhân. Tuy nhiên các nghiệp đoàn không phải là đảng phái chính trị, và không nên gắn chặt với các đảng phái.

B. Những hình thức mới của tình liên đới

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, các nghiệp đoàn được mời gọi hoạt động theo những hình thức mới (số 308): những hình thức hợp đồng mới, có thời hạn; việc sát nhập các doanh nghiệp với hậu quả gây ra cho quyền làm việc của các công nhân; quyền lợi của những người di dân, vv... Vì thế cần chú trọng đến giá trị chủ thể của lao động, chứ không chỉ nhằm đến ích lợi kinh tế, lợi nhuận.

IX. Những điều mới "Res novae" trong thế giới lao động

Đoạn này nói đến những viễn tượng mới được mở ra do những hoàn cảnh kinh tế xã hội hiện nay. Nhiều điều có thể bổ túc thêm ở thông điệp *Caritas in veritate*.

A. Một chặng chuyển tiếp lịch sử

1/ Những sự thay đổi trong việc tổ chức việc làm và hiện tượng toàn cầu hoá (số 310).

- Vài đặc trưng của toàn cầu hóa: Những hình thức sản xuất mới; Chuyển dời các cơ xưởng sang những khu vực địa lý xa với các cơ quan giữ quyền quyết định điều hành; Sự xa cách giữa nơi sản xuất và nơi tiêu thụ

- Những yếu tố thuận lợi cho sự toàn cầu hoá: Tốc độ giao lưu trong không gian và thời gian; sự vận chuyển dễ dàng về nhân lực và tài sản.

- Hậu quả: Sự xa cách giữa tư bản với điều kiện xã hội tại nơi sản xuất.

2/ Một trong những đặc trưng quan trọng nhất của việc tổ chức lao động mới mẻ là sự phân tán về thể lý của chu trình sản xuất (số 311). Mục tiêu là đạt được hiệu năng và lợi nhuận cao hơn. Hậu quả là sự chuyển biến các yếu tố không gian-thời gian đưa đến sự thay đổi trong cơ cấu làm việc. Từ đó gây ra nhiều sự thay đổi các cá nhân và cộng

đoàn xét về vật chất, văn hoá, các giá trị. Thách đố đặt ra vào thời buổi hôm nay cũng có thể sánh được với thời buổi đầu tiên của cuộc cách mạng kỹ nghệ.

3/ Vì thế cần phải quan tâm đến việc định hướng các hoạt động xã hội và chính trị dựa theo những cách thức mới của việc tổ chức lao động (số 312): thị trường tự do; cổ võ sự cạnh tranh; tăng gia những doanh nghiệp chuyên về cung cấp các sản phẩm và dịch vụ.

4/ Hiện đang có sự chuyển dạng từ một nền kinh tế kỹ nghệ sang một nền kinh tế chú trọng đến các dịch vụ và các đổi mới kỹ thuật (số 313). Do những đổi mới kỹ thuật, nảy sinh nhiều nghề mới, và biến đi một số nghề khác. Mô hình kinh tế và xã hội cổ điển gắn với doanh nghiệp lớn; ngày nay ta thấy nảy sinh những nghề nghiệp mới trong lãnh vực các dịch vụ.

5/ Việc tổ chức lao động trước đây mang tính cố định vững bền dựa trên hợp đồng; ngày nay đã nhường chỗ cho những việc làm linh động, ngắn hạn (số 314). Tình trạng gây ra sự mất ổn định về việc làm: nạn thất nghiệp trở thành nếp bởi vì khó lựa chọn việc làm thích hợp; các chế độ bảo hiểm lao động cũng trở thành bấp bênh. Tại các nước đang phát triển, tình trạng này còn trở thành tồi tệ hơn, bởi vì thiếu những hệ thống huấn nghệ, thiếu những luật pháp bảo vệ công nhân, thiếu hệ thống bảo hiểm.

6/ Sự phân tán tiến trình sản xuất tạo ra nhiều doanh nghiệp cỡ nhỏ hay cỡ trung bình bên cạnh ngành thủ công nghệ cổ truyền (số 315). Các hoạt động mới phát sinh những công việc tự lập, với những rủi ro của nó. Các doanh nghiệp nhỏ tạo ra bầu không khí thân mật hơn, với nhiều sáng kiến hơn; nhưng cũng mang nhiều rủi ro hơn, vì tính cách bấp bênh của nó.

7/ Tại các nước đang phát triển, nảy ra nhiều hoạt động "ngầm" (chui), với nhiều hứa hẹn kinh tế, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn

đề về luân lý và pháp lý (số 316): mức sản xuất thấp, lợi tức cũng thấp, không đủ bảo đảm nhu cầu sinh sống cho gia đình.

B. Giáo huấn xã hội và thực trạng mới (*res novae*)

1/ Đứng trước những sự thay đổi này, cần phải tránh sự sai lầm khi cho rằng những thay đổi này xảy đến cách tất định (số 317). Yếu tố quyết định các sự thay đổi này luôn luôn là con người. Con người cần đảm nhận trách nhiệm quản lý các sự cạnh tranh thay đổi hiện nay nhằm để giúp cho sự thăng tiến các cá nhân, gia đình, xã hội và toàn thể gia đình nhân loại. Cần phải dành chỗ ưu tiên cho chiều kích chủ thể của lao động.

2/ Những nhu cầu cụ thể và khẩn trương của con người vượt lên trên những phạm trù thuần túy kinh tế (số 318). Những lý giải về hoạt động sản xuất theo kiểu máy móc và kinh tế đã bị bắt bẻ do sự phân tích khoa học của các vấn đề gắn liền với lao động. Lao động là một hoạt động tự do và sáng tạo của con người. Các nhu cầu của con người không chỉ giới hạn vào sự chiếm hữu; bản chất và ơn gọi của con người còn duy trì liên hệ với Đấng Siêu Việt.

3/ Trước nguy cơ của sự giày xéo các quyền lợi căn bản, cần phải nghĩ ra những hình thức liên đới mới (số 319): giữa các thể chế quốc gia và quốc tế, giữa nền kinh tế cũ và mới; giữa sự cạnh tranh kỹ thuật và nhu cầu bảo vệ lao động; giữa sự tăng trưởng kinh tế và sự phù hợp với môi trường.

4/ Các nhà khoa học và những nhà trí thức được mời gọi hãy góp phần vào việc tìm ra những giải pháp công bằng (số 320): vạch ra những cơ may và rủi ro trong các sự thay đổi; đề nghị những đường hướng hoạt động để hướng dẫn sự thay đổi theo chiều hướng thuận lợi cho sự phát triển của toàn thể gia đình nhân loại, nhờ những chính sách kinh tế.

5/ Đứng trước tình thế mất quân

binh hiện nay, cần tái lập hệ trật tự các giá trị, đặt phẩm giá của con người lên hàng đầu (số 321). Cần phải xúc tiến tiến trình phát triển tình liên đới ở tầm mức thế giới, như điều kiện sống còn của các dân tộc. Cần phải toàn cầu hóa tình liên đới, làm sao để cho con người trở thành chủ động chứ không phải là công cụ của các sự thay đổi.

6/ Khung cảnh toàn cầu hóa hiện nay mở ra một viễn tượng để cao khuynh hướng tự nhiên của con người là muốn thiết lập những tương quan (số 322). Cần khẳng định rằng tiên vàn chiều kích hoàn vũ thuộc về con người, chứ không phải về đồ vật. Kỹ thuật có thể là nguyên nhân dụng cụ cho sự toàn cầu hóa, nhưng nguyên nhân đệ nhất phải là tính toàn cầu của gia đình nhân loại. Lao động cũng mang một chiều kích hoàn vũ (toàn cầu). Bên cạnh những khía cạnh tiêu cực của hiện tượng toàn cầu hoá, chúng ta nên nhận ra những khía cạnh tích cực được mở ra, đó là tình liên đới của thế giới lao động. Con người càng ý thức hơn ơn gọi liên đới hoàn vũ của mình ♦

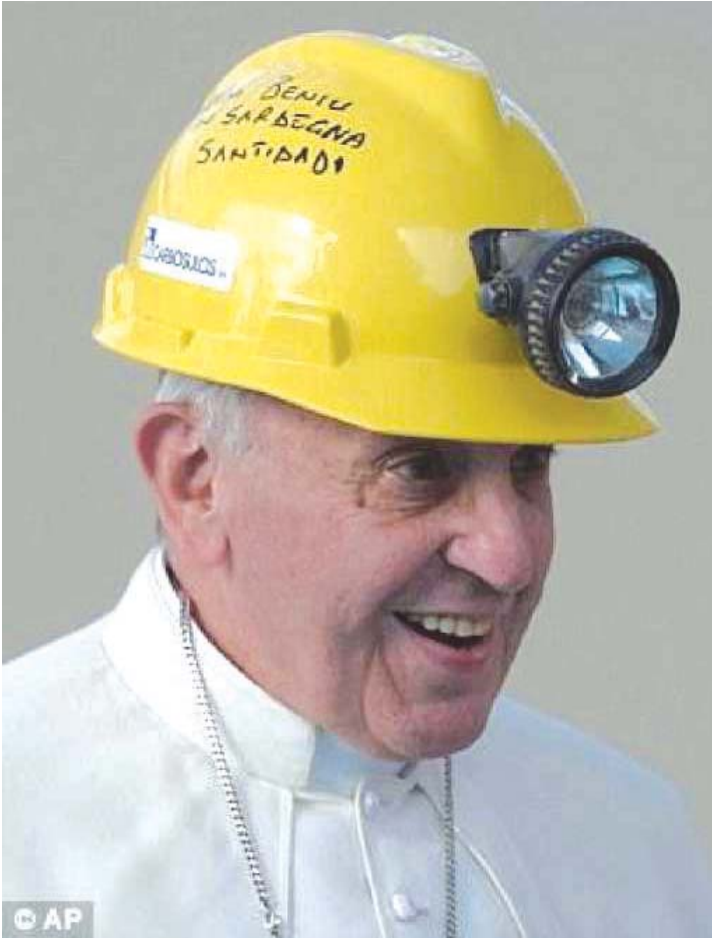
1. Như vậy đối với Kinh thánh, sự làm việc là một "vinh quang" (chứ không phải là một hình phạt) bởi vì được cộng tác với Đấng Tạo hóa. Tuy nhiên, do tội lỗi, lao động thường bị tổn thương: do lòng tham lam khai thác vũ trụ cách bừa bãi, hoặc coi lao động như thần tượng, hay bóc lột sự lao động của tha nhân.

2. Đây là phương châm của luật thánh Biển-đức, phân chia thời khóa biểu giữa thời gian phụng tự và thời gian lao động. Tuy nhiên phương châm này cũng được giải thích theo nghĩa là con người cần phải biết hợp tác với ơn thánh Chúa: cần biết cầu nguyện, bởi vì tất cả mọi sự tùy thuộc vào Chúa; cần biết làm việc, bởi vì tất cả tùy thuộc vào nỗ lực của chúng ta. Xem sách Giáo Lý Hội thánh Công giáo số 2834.

ĐỨC GIÁO HOÀNG PHANXICÔ NÓI VỀ PHẨM GIÁ LAO ĐỘNG^[1]

JOHN A. COLEMAN | 20 tháng 11 năm 2013

Đinh Quang Bàn dịch



Tôi được một nhóm lao động Công giáo ở San Francisco yêu cầu nói về lập trường của Giáo hoàng Phanxicô về phẩm giá lao động. Đó là một trong ba vấn đề xã hội nổi bật trong các bài giảng và các cuộc phỏng vấn đức giáo hoàng. Một trong những vấn đề đó là môi trường và sự suy thoái môi trường. Ngài đã nói về chủ đề này nhiều lần, bao gồm bài giảng dịp nhậm chức giáo hoàng của ngài. Có tin đồn rằng ngài sẽ viết một thông điệp xã hội về môi trường. Về chủ đề đó, đức Phanxicô kế tục phong cách của Giáo hoàng Bênêđictô trong cố gắng liên kết

sinh thái môi trường với chủ đề sinh thái “con người”, chủ đề này cũng sẽ đề cao đề tài lao động. Một chủ đề xã hội thứ hai đức giáo hoàng đã thường xuyên đề cập là vấn đề di cư cưỡng bức. Bạn có thể nhớ lại ngài đã đi đến Lampadusa gần Sicily gặp những người nhập cư bất hợp pháp bằng đường biển. Một lần nữa, sự di cư cưỡng bức đó có liên quan với tình trạng thiếu cơ hội tìm được việc làm ở quê nhà.

Vào ngày lễ Thánh Giuse Thợ, đức giáo hoàng nói về các xã hội đặt lợi nhuận của công ty trên phẩm giá con người hoặc thậm chí trên cả sự sống con người. “Chúng ta đã đi đến điểm nào?”, ngài chất vấn. Ngài nhắc mọi người nhớ rằng Chúa Giêsu đã từng là một người lao động và ngài than phiền sự kiện các công ty coi trọng lợi nhuận hơn cả phẩm giá lao động. Ngài an ủi những người phải lao động như nô lệ trong các xưởng may mặc ở Bangladesh (đã có những cái chết bi thảm mới đây trong một nhà máy may bị đổ sập tại Dakka). Diễn giải chủ đề phẩm giá lao động, đức Phanxicô nói: “Chúng ta không lãnh nhận được phẩm giá từ quyền bính, tiền bạc hoặc văn hóa. Chúng ta có phẩm giá nhờ lao động”. Ngài lưu ý: “Lao động là nền tảng cho phẩm giá con người. Có thể diễn đạt một cách hình tượng là lao động ‘xúc dầu’ phẩm giá cho chúng ta, giúp chúng ta sống viên mãn nhờ có phẩm giá, biến đổi chúng ta trở nên giống Thiên Chúa, Đấng đã làm việc và vẫn làm việc, vì Người luôn luôn hành động”. Những người quen thuộc với Linh Thao của Thánh Inhaxiô sẽ nhận ra chủ đề về một Đấng Thiên Chúa đang làm việc hoặc lao động như thế xuất phát từ việc chiêm niệm nghiêm cẩn để đạt tới tình yêu của Thiên Chúa nơi điều Thánh Inhaxiô nói về một Thiên Chúa luôn lao động trong mọi sự. Ngài kết thúc bài giảng của mình với lời khuyên: “Tôi khẩn thiết kêu gọi mọi người phải luôn luôn bảo vệ nhân phẩm và sự an toàn của người lao động”.

Trong nhiều dịp, đức Phanxicô nói về việc giải quyết tình trạng thất nghiệp và cảnh báo nạn thất nghiệp trầm trọng của giới trẻ là một trong hai vấn đề nổi bật nhất thế giới hiện đang đối diện. Ngài cũng đã phê phán vấn đề tiền lương không công bằng. Khi đến với Ngày Giới trẻ Thế giới tại Brazil, đức giáo hoàng nói với các phóng viên có mặt trên chuyến bay: “Chúng ta đang có nguy cơ phải đối diện với một thế hệ không thiết làm việc. Nhờ lao động mà con người có được phẩm

giá". Ngài dường như nhấn mạnh một điểm được tìm thấy trong giáo huấn xã hội của đức Gioan Phaolô II theo đó một việc làm đường hoàng không chỉ hàm ý khoản thù lao đủ để trang trải các chi phí cho nhà ở, thực phẩm, trợ giúp y tế v.v. mà còn liên quan đến một loại công bằng là quyền được tham gia. Qua lao động, chúng ta tham gia vào xã hội và có một tiếng nói tích cực. Như vậy, mặc dù phần trợ cấp dành cho người không tìm được việc làm hoặc không thể làm việc vì những lý do thể lý có là một điều tốt đi nữa, thì cũng không thay thế được cho phẩm giá vốn gia tăng nơi những ai tích cực tham gia lao động và phục vụ xã hội.

Ngày 23 tháng 9 [năm 2013], đức Phanxicô xuống vùng Cagniliarca, Sardinia, nơi ngài gặp một nhóm công nhân thất nghiệp. Ngài chăm chú lắng nghe họ thuật lại nỗi đoạn trường của kẻ không có công ăn việc làm. Đức Phanxicô cầu nguyện vào cuối buổi gặp gỡ: "Lạy Thiên Chúa xin ban cho chúng con có việc làm—xin dạy chúng con chiến đấu cho công ăn việc làm"—cụm từ cuối cùng dường như bao gồm các công đoàn và việc tham gia tích cực của công nhân trong việc tìm kiếm và cùng tạo ra việc làm. Họ chiến đấu để có việc làm! Cũng tại cuộc gặp gỡ đó, đức Phanxicô nói: "Không trả lương công bằng, không cung cấp một việc làm, bởi vì bạn chỉ lo tìm kiếm lợi nhuận là hành động chống lại Thiên Chúa". Tất nhiên, các vị giáo hoàng khác đã từng nói nhiều như thế rồi, nhưng điều lý thú ở đây là đức Phanxicô biết chọn đúng vị trí để khi phát biểu thì ngài thực sự ngỡ ngàng với những người lao động!

Trong cuộc phỏng vấn nổi tiếng của ngài ngày 1 tháng 10 [năm 2013] dành cho nhà báo vô thần, Ông Eugenio Scalfari, xuất hiện trên tờ báo Ý La Repubblica, đức Phanxicô nói rằng hai tệ nạn xã hội lớn nhất cần được giải quyết là sự cô đơn của người già và nạn thất nghiệp của người trẻ. Ngài nói: "Người trẻ cần việc làm [và hi vọng] nhưng chẳng tìm được gì trong hai thứ đó, và điều nguy hại là họ thậm chí không cần

tìm hai thứ đó nữa. Họ đã bị hiện tại đè bẹp. Có thể nào bạn sống nổi khi bị đè bẹp dưới gánh nặng của hiện tại không? Bạn có thể tiếp tục sống như vậy được không?" Scalfari bẻ lại, cho rằng tạo công ăn việc làm là trách nhiệm của nhà nước và như vậy, việc đó không can dự gì đến Giáo hội. Đức Phanxicô mạnh mẽ lập luận rằng con người gồm thể xác lẫn linh hồn, xác hồn ảnh hưởng lẫn nhau. Chà đạp thể xác thì linh hồn cũng bị tổn hại. Phẩm giá bị đánh mất.

Chỉ gần đây thôi, đức Phanxicô đã tổ chức một cuộc họp với Tổng Giám đốc Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Ông Guy Ryder. Trong cuộc tiếp kiến riêng, hai người, theo Ông Ryder: "Đã thảo luận nhiều vấn đề mà tôi nghĩ rằng Giáo hội chia sẻ các mối quan ngại với ILO. Tại cuộc gặp gỡ ở ILO chúng tôi rất quan tâm cổ vũ cho mọi người có được việc làm xứng với nhân phẩm. Đức Giáo hoàng Phanxicô nói về phẩm giá của lao động, về tầm quan trọng được Giáo hội và đích thân ngài dành cho phẩm giá của lao động và về những thách đố do vấn đề ấy đặt ra cho thế giới ngày nay. Và chúng tôi đặc biệt thảo luận về nỗi truân chuyên của một số người dễ bị tổn thương nhất trên thế giới. Và cách riêng ngài bày tỏ quan ngại về nạn buôn người và về công nhân nhập cư. Tôi nghĩ rằng chúng tôi đã có mối đồng cảm trong nỗi trăn trở khi nhận thấy cái cách nền kinh tế toàn cầu đang hoạt động hiện nay không hẳn lúc nào cũng phục vụ lợi ích của tầng lớp thấp cổ bé miệng nhất và cùng quyết tâm phải chỉnh đốn điều này". Có hai vấn đề nhức nhối được nhắc đến là trên thế giới đang gia tăng tình trạng bất bình đẳng trong mức thu nhập và giá lương bổng thấp kém. Ông Ryder và đức giáo hoàng cũng trao đổi về hai nhóm người lao động thường bị bỏ quên (người làm công giúp việc nhà và công nhân ngành viễn dương) và về nhu cầu làm sáng tỏ các quyền lao động của họ.

Trong một bài phát biểu với các người lao động ở Ý vào ngày 22 tháng 9 [năm 2013], đức Phanxicô liên kết sinh thái con người với vấn đề môi

trường: "Lao động phải được kết hợp với việc bảo quản công trình tạo dựng, để cõi tạo thành có thể được giữ gìn một cách có trách nhiệm cho các thế hệ tương lai. Công trình tạo dựng không phải là một hàng hóa để khai thác, nhưng là một món quà để nâng niu. Công cuộc dẫn thân cho sinh thái tạo nên cơ hội cho mối quan tâm mới trong các lĩnh vực liên quan đến sinh thái, chẳng hạn như năng lượng, nỗ lực ngăn chặn và loại bỏ các hình thức khác nhau gây ra ô nhiễm, cảnh giác với nạn cháy rừng. Ước gì việc chăm nom công trình tạo dựng và việc chăm sóc con người thông qua lao động có phẩm giá trở thành một nhiệm vụ chung. Sinh thái cũng là sinh thái con người".

Đức Phanxicô có lần nói là các mục tử phải xông mùi giống con chiên của mình. Trong cuộc phỏng vấn nổi tiếng của ngài [2] dành cho các tạp chí của Dòng Tên, chẳng hạn như tờ **America**, đức giáo hoàng phân biệt giữa đường lối xem xét các vấn đề một cách trừu tượng và hành động nhập cuộc thực sự vào cuộc sống đời thường của mọi người. Ngài hòa mình thoải mái với những công nhân bình thường ở Ác-hen-ti-na, và một điều khá mới, với tư cách giáo hoàng, ngài dâng lễ cho các giới thợ thuyền tại Vatican. Một cụm từ đức Phanxicô sử dụng trong chuyến thăm Lampedusa cần phải được âm vang khắp nơi. Ngài nói về nguy cơ của nạn "toàn cầu hóa thái độ thờ ơ", nghĩa là lùi bước, nhìn những hiện tượng ấy bằng con mắt của kẻ ngoại cuộc và xem chúng như điều không thể tránh khỏi, như điều bình thường trong thế giới của chúng ta. Đó là một phản ứng chúng ta phải quyết liệt khước từ và chống trả. Ta cần phải đấu tranh cho phẩm giá lao động trên toàn thế giới! ♦

Các từ trong [] do người dịch thêm vào, có tham khảo các nguồn khác. Chú thích [1] và [2] ở trong bài báo.

[1] <http://americamagazine.org/content/allthings/popefrancisdignity-labor>
[2] <http://americamagazine.org/pope-interview>

LAO ĐỘNG ghi dấu ấn NHÂN VĂN trên cõi tạo thành

LM. P.X. NGUYỄN VĂN NHỨT, O.P.

“Lao Động Là Vinh Quang”

Đã có thời, sau khi nhà cầm quyền cộng sản thu tóm cả giang sơn về một mối, khẩu hiệu này được tuyên truyền, học tập và thực hiện trong hầu hết mọi lãnh vực của đời sống người dân, với mục tiêu tận dụng tất cả những thành quả họ sản xuất được. Ai dốc sức xả thân quên mình làm việc, bất kể trong nhà máy hầm hập lò nung, mịt mù khói bụi, hay trên cánh đồng nắng xém mặt, rét cọng tay; hoặc bụng rỗng mà cứ phải gò lưng, căng mắt đọc, ghi chép, cân đo những số liệu, những đề án, hoặc hòng khô mà vẫn gắng liên tục gào lớn trên bục giảng hay trên sân khấu... ai kiên trì phấn đấu không ngưng nghỉ như vậy đều được “truy tặng” danh hiệu “anh hùng lao động”.

Ngược lại, kẻ bị cáo buộc là lười biếng lao động chẳng những phải chịu phê bình, kiểm điểm, mà còn bị trừng phạt, bị cưỡng chế đi làm việc tay chân tại các trại lao động cải tạo.

Trong cả hai trường hợp—anh hùng lao động và tù nhân lao động cải tạo—thật khó mà nhận ra nét hào quang của lao động, bởi vì cả hai đều không hề được thụ hưởng một cách tương xứng thành quả công sức mình

đã dốc đổ ra, không hề được nâng cao phẩm giá của một con người có quyền tự do quyết định về bản chất lao động, lựa chọn cách thực hiện lao động, xác lập mục đích lao động và biện giải lý do của lao động. Rốt cuộc, họ cùng chia sẻ chung một thân phận: thân phận của kẻ bị bóc lột lao động.

Thời ấy có một vua mới lên trị vì Ai-cập, vua này không biết Ông Giu-se. Vua nói với dân mình: “Nầy đám dân con cái Ít-ra-en đông đúc và hùng mạnh hơn chúng ta. Chúng ta hãy dùng những biện pháp khôn ngoan đối với dân đó, đừng để chúng nên đông đúc, kéo khi có chiến tranh, chúng hòa với địch mà đánh lại chúng ta, rồi ra khỏi xứ.” Người ta bèn đặt lên đầu lên cổ họ những viên đóc công, để hành hạ họ bằng những việc khổ sai; họ phải xây cho Pha-ra-ô các thành làm kho lương thực là Phi-thôm và Ram-xết. Nhưng chúng càng hành hạ họ, thì họ càng nên đông đúc và lan tràn, khiến chúng đâm ra sợ con cái Ít-ra-en. Người Ai-cập cưỡng bách con cái Ít-ra-en lao động cực nhọc. Chúng làm cho đời sống họ ra cay đắng vì phải lao

động cực nhọc; phải trộn hồ làm gạch, phải làm đủ thứ công việc đồng áng; tóm lại, tất cả những việc lao động cực nhọc, chúng đều cưỡng bách họ làm.¹

Đoạn trích Sách Xuất Hành bên trên cho thấy điển hình của thứ lao động nô dịch, hủy diệt con người cả về phương diện thể lý lẫn tinh thần. Lao động khổ sai trở thành công cụ bóc lột kinh tế, đàn áp chính trị và âm mưu diệt chủng.

Lao động khổ sai bắt buộc con người làm việc cật lực, dưới biện pháp kiểm soát ngặt nghèo, kỷ luật trừng phạt tàn ác. Công nhân bị đối xử như con vật, được cho ăn uống cầm hơi, để tái sản xuất. Mọi chương trình kế hoạch gọi là giáo dục đào tạo thực chất chỉ nhằm làm ra những công cụ, những cỗ máy người để phục vụ sản xuất, để cung phụng giai cấp thống trị. Điểm dừng của dây chuyền lao động nô dịch và bóc lột đã được ấn định ở mọi xó xỉnh đen tối nhất để thải bỏ mọi thứ « cặn bã xã hội », theo quy luật “vắt chanh bỏ vỏ.” Người công nhân cổ kéo lê cuộc đời tàn tạ, chịu đựng đủ mọi thứ bịnh tật nghề nghiệp, mang theo xuống nắm mồ đủ mọi thứ thương tổn, tủi hờn, do bất công, oan ức, lừa đảo, miệt thị, và cơ man nào là những hình thức ác tà khác.

Hệ lụy trực tiếp và hiển nhiên của lao động nô dịch là tình trạng xuống cấp của dân trí. Công nhân tiếp tục bị giam cầm trong tình trạng tòi mòi miên viễn, lúc cung phục dịch giới chủ hết đời nầy đến đời khác, không bao giờ có được cơ may đổi thay số kiếp. Lao động nô dịch tước đoạt con người quyền tham gia vào công cuộc bàn bạc, lựa chọn, quyết định và điều hành đời sống của chính mình, của gia đình, của xã hội, và của đất nước. Thoảng hoặc, người lao động nghèo và thất học bị lôi kéo vào cuộc chơi chính trị chỉ để làm gạch lót đường công danh, làm bạc thang sự nghiệp, hoặc làm dê tế thần tham vọng, cho những kẻ hoạt đầu kinh tế, những con buôn quyền lực.

Nhưng có lẽ hệ lụy xấu ác và nguy hại hơn hết của lao động khổ sai nô dịch là đời sống gia đình của công nhân bị khủng hoảng, đổ nát và hủy diệt. Trận cuồng phong di dân kinh tế cuốn đi hàng triệu công nhân ra khỏi mái ấm gia đình, ra khỏi tập tục xã hội, văn hóa, chính trị và tôn giáo truyền thống của làng mạc, quê hương, đất nước. Có mấy ai trong số dân lao động du mục ấy được chuẩn bị—dẫu chỉ là tương đối vừa đủ—để có thể hội nhập dễ dàng vào môi trường xã hội, văn hóa chính trị và tôn giáo nơi đất khách quê người? Có mấy ai trong số các nước chủ đầu tư sẵn sàng có chính sách đối đãi các di dân kinh tế một cách công bình, nhân đạo và thượng tôn luật pháp?

Có rất nhiều điều khuất tất đập thẳng vào mặt, vào lương tri của mọi người. Đó là tình trạng hàng triệu gia đình nay chỉ còn một mình người mẹ hoặc người cha phải đơn thương độc mã chăm lo đủ hết mọi phương diện cơm ăn, áo mặc, thuốc men, học hành, dạy dỗ con cái. Đó là tình trạng của những đứa trẻ rất hiếm khi hoặc chẳng bao giờ được cảm nhận tình thương trìu mến của người cha hoặc người mẹ vì sinh kế mà phải thường xuyên xa vắng gia đình. Rõ ràng mọi người đều thấy trước, không bao lâu nữa, xã hội sẽ phải đón nhận những con người mang đầy thương tật tâm

sinh lý từ một tuổi thơ bất hạnh hoặc bị đánh mất.

Giữa vụn nẻo đường của nhân loại, gia đình là nẻo đường trước tiên và quan yếu nhất. Tuy là lối đi chung cho tất cả mọi người, nhưng gia đình là lối đi đặc biệt, độc nhất và bất khả tái lập, cũng tương tự như mỗi cá thể con người là bất khả tái lập; đó là lối đường con người không thể thoái bước. Quả vậy, mỗi người thường đi vào trần thế này trong khuôn khổ một gia đình, và do đó có thể nói con người chịu ơn gia đình vì đã cho mình được hiện hữu như là một cá nhân. Khi không có gia đình, con người bước vào cuộc đời với nỗi khắc khoải đau đớn và mất mát khôn nguôi. Tâm trạng này sẽ còn tiếp tục đè nặng trên cả cuộc đời của con người ấy.²

Đó là tình trạng của những công nhân di dân—đa số còn rất trẻ—không thể tự chủ trước bao nhiêu chèo kéo của nhu cầu thụ hưởng bản năng—tự nhiên hoặc giả tạo—tiếp tục lao vào và vướng mắc đủ thứ tật bệnh của xã hội tiêu thụ, vô cảm, vô luân và vô thần, cả lý thuyết lẫn thực dụng. Những vấn đề xã hội và luân lý nói trên trước tiên phát sinh tại nơi họ bị cuốn hút lại vì miếng cơm manh áo, vì lẽ sống còn của gia đình,

sau đó sẽ tiếp tục đeo bám theo họ về với gia đình, làng mạc và đất nước của họ.

Không phải là những kẻ có trách nhiệm—chính quyền cũng như các tập đoàn đầu tư—không thấy, không ý thức được những thảm họa xã hội tiềm tàng này. Nhưng lợi nhuận quá lớn và quá dễ thu tóm khiến họ tiếp tục nuôi dưỡng chúng, miễn là họ tự tin có thể kiểm soát, khoanh vùng và khống chế chúng bằng bất kỳ biện pháp và công cụ nào có sẵn, kể cả bằng trấn áp và tiêu diệt.

Lao động như thế—lao động nô dịch khổ sai tuy tạo nên núi tiền núi của, nhưng rốt cuộc lại hủy hoại chính con người—sao có thể gọi là vinh quang?

Lao Động Mang Tính Nhân Văn

Không phải lao động nào cũng mang tính nô dịch, khổ sai và bóc lột, vì quả thật có một hình thức lao động—cả chân tay lẫn trí óc—tự bản chất thấm đượm nhân văn, vừa giúp con người trở nên người hơn, vừa nâng con người lên với Đấng Thiên Chúa Tạo Hóa.

Ngày Đức Chúa là Thiên Chúa làm ra đất và trời, chưa có bụi cây ngoài đồng nào trên mặt đất, chưa có đám cỏ ngoài đồng nào mọc lên, vì Đức Chúa là Thiên



► Chúa chưa cho mưa xuống đất và không có người để canh tác đất đai. Nhưng có một dòng nước từ đất trào lên và tưới khắp mặt đất. Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật. Rồi Đức Chúa là Thiên Chúa trồng một vườn cây ở Ê-đen, về phía đông, và đặt vào đó con người do chính mình nặn ra.

Đức Chúa là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trông thì đẹp ăn thì ngon, với cây trường sinh ở giữa vườn, và cây cho biết điều thiện điều ác. Một con sông từ Ê-đen chảy ra tưới khu vườn, và từ đó chia thành bốn nhánh. Tên nhánh thứ nhất là Pi-sôn, nó bao quanh tất cả đất Kha-vi-la là nơi có vàng; vàng ở đất này tốt, tại đó có nhũ hương và đá ngọc. Tên nhánh thứ hai là Ghi-khôn; nhánh này bao quanh tất cả đất Cút. Tên nhánh thứ ba là Tich-ra; nhánh này chảy ở phía đông Át-sua. Còn nhánh thứ bốn là Ê-pha-rát. Đức Chúa là Thiên Chúa đem con người đặt vào vườn Ê-đen, để cày cấy và canh giữ đất đai. Đức Chúa là Thiên Chúa truyền lệnh cho con người rằng: "Hết mọi trái cây trong vườn, ngươi cứ ăn, nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì ngươi không được ăn, vì ngày nào ngươi ăn, chắc chắn ngươi sẽ phải chết."³

Bài tường thuật của Sách Sáng Thế cho thấy rõ lao động là một trọng trách con người được chính Thiên Chúa ủy thác một cách trân trọng và đầy thương yêu, tín nhiệm. Thật sai lầm ấu trĩ khi nghĩ rằng: nếu như Tổ Tông không phạm tội, con người vẫn tiếp tục sống nhàn nhã trong Vườn Địa Đàng, cứ nằm há miệng chờ sung rụng, chứ đâu phải làm ăn quá vất vả như hiện nay.

Lao động đã là nghĩa vụ Thiên Chúa trao cho con người ngay trước lúc sa ngã phạm tội. Lao động là một thành tố quan yếu trong "trọn gói làm người" Thiên Chúa ban cho con

người ngay buổi đầu sáng tạo, với đầy ắp nghĩa tình và kỳ vọng giữa Thiên Chúa và con người.

Phải chu toàn cùng một lúc hai nhiệm vụ "cày cấy và canh giữ" cả một cơ ngơi vũ trụ càn khôn bát ngát, vô biên vô tận như vậy không thể là công việc nhẹ nhàng chút nào. Chắc chắn con người phải có *trí* để cân nhắc kế hoạch, có *tâm* để quyết định thi hành, có *lực* để hoàn thành sứ mạng, và có *nghĩa* để bảo tồn công trình.

Vũ trụ thửa ban sơ tựa như vùng đất trơ trụi nguyên đang chờ được khai phá, như cô thiếu nữ dậy thì mong được trang điểm, làm duyên làm đẹp. Những rừng cây chưa có dấu chân người, những thảo nguyên hầu như tiếp giáp chân trời, tựa mái tóc huyền của cô gái, cần được quy hoạch, phân ranh rạch ròi, như gội nước, chải chuốt, rẽ ngôi, tết gọn, và cài lên chiếc trâm nạm ngọc, kèm theo chùm hoa thiên lý thoang thoảng làn hương kín đáo, kiêu sa.

Thiên Chúa không làm công việc này, dầu đó chỉ là chuyện nhỏ, so với công trình xây dựng cả vũ trụ càn khôn từ hư vô tuyệt đối. Thiên Chúa đã ủy thác công việc ấy cho con người, tác phẩm vô cùng ưng ý do chính tay mình tác tạo như họa ảnh của mình. Con người đã hoàn thành theo đúng như đồ án của Thiên Chúa khiến Người hết sức ưng ý hài lòng.

Những dòng sông nước trong veo soi bóng mây trời, chở theo muôn vạn ánh trăng sao, trôi về cõi vô tận, tựa đôi mắt vừa ướt ngấn lệ lại vừa sắc lém dao cau của mỹ nhân, rất cần đôi nét điểm trang để càng thêm ma lực hút hồn người, nhận chìm thêm nhiều trái tim lãng tử.⁴ Chính là nhờ lao động chân tay lành nghề và lao động trí tuệ đầy sáng kiến của con người, từ chỗ đơn thuần là con kênh dẫn nước tưới mát đất đai, có những dòng sông, những chiếc cầu, những bến đò đã vĩnh viễn đi vào lịch sử, vào văn học, vào nghệ thuật. Những vật thể tưởng chừng vô hồn vô cảm ấy, qua bàn tay lao động nhân văn của

con người, đã trở thành một phần máu thịt quê hương, thành một gia sản tinh thần vô giá phải bảo vệ bằng mọi cách.

Thiên Chúa không làm công việc này, dầu đó chỉ là chuyện nhỏ, so với công trình xây dựng cả vũ trụ càn khôn từ hư vô tuyệt đối. Thiên Chúa đã ủy thác công việc ấy cho con người, tác phẩm vô cùng ưng ý do chính tay mình tác tạo như họa ảnh của mình. Con người đã hoàn thành theo đúng như đồ án của Thiên Chúa khiến Người hết sức ưng ý hài lòng.

Những dải đất mầu mỡ, phì nhiêu, chờ được dọn, được vỡ, được gieo trồng, để cung cấp nguồn lương thực hầu như bắt tận cho muôn loài, tựa như bầu vú căng sữa của bà mẹ⁵ nuôi đàn con khỏe mạnh, lớn khôn. Biết bao hoa màu, đa dạng về lượng cũng như về phẩm, nhờ bàn tay và khối óc của con người, đã được thu hoạch từ ruộng đất và được chế biến thành thiên hình vạn trạng thực đơn trên bàn ăn. Từ đó, chẳng những chuyện đất đai đã đi vào luật lệ, định chế xã hội văn minh, mà các sản phẩm từ đất đai cũng góp phần xây dựng nền văn hóa giao tế lễ lạt của con người.

Từ cao thăm Chúa đổ mưa xuống núi,

Đất chứa chan phước lộc của Ngài.

Ngài khiến mọc cỏ xanh nuôi sống đàn gia súc,

Làm tốt tươi thảo mộc cho người thể hưởng dùng.

Từ ruộng đất họ kiếm ra cơm bánh,

Chế rượu ngon cho phần khởi lòng người,

Xức dầu thơm cho gương mặt sáng tươi,

Nhờ cơm bánh mà no lòng chắc dạ.⁶

Thiên Chúa không làm công việc này, dầu đó chỉ là chuyện nhỏ, so với công trình xây dựng cả vũ trụ càn khôn từ hư vô tuyệt đối. Thiên Chúa

đã ủy thác công việc ấy cho con người, tác phẩm vô cùng ưng ý do chính tay mình tác tạo như họa ảnh của mình. Con người đã hoàn thành theo đúng như đồ án của Thiên Chúa khiến Người hết sức ưng ý hài lòng.

Dãy núi trùng trùng điệp điệp lặng lẽ ngủ buồn ngàn năm bỗng trở mình thức giấc chào đón con người trèo lên thăm viếng, xây chùa dựng tháp, truy tặng cho những tước hiệu cao quý, linh thiêng. Từ dạo ấy, chúng trở thành thiên thần hộ mạng, che chở con người khỏi sức tàn phá khốc liệt của nắng lửa mưa dầm.

Biển khơi bao đời trầm uất dồn nén



tận đáy sâu những trận sóng ngầm tàn sát một ngày kia chợt ghé tai nghe nhịp mái chèo khuấy nước theo tiếng khoan hò của con người ra khơi tìm nguồn hải sản, bỗng vỗ tay hòa điệu, hạ bớt những đợt sóng bạc đầu, và hào phóng tặng cho con người cơ man nào là đặc sản từ kho báu đại dương. Từ lúc đó, lòng biển được con người nhân hóa thành tấm lòng của mẹ, muôn thừa bao la dạt dào, ru con lớn mãi trong nghĩa tình mẫu tử bất hủ, bất tận, bất diệt.⁷

Thiên Chúa không làm công việc này, dầu đó chỉ là chuyện nhỏ, so với công trình xây dựng cả vũ trụ cần khôn từ hư vô tuyệt đối. Thiên Chúa đã ủy thác công việc ấy cho con người, tác phẩm vô cùng ưng ý do chính tay mình tác tạo như họa ảnh của mình. Con người đã hoàn thành theo đúng như đồ án của Thiên Chúa khiến

Người hết sức ưng ý toại nguyện.

Lao Động Ghi Dấu Ấn Nhân Văn Trên Cõi Tạo Thành

Thánh Kinh cho biết: Thiên Chúa giao cho con người công việc đặt danh tánh cho muôn loài muôn vật.⁸ Hẳn rằng đây không đơn giản là cứ “xem mặt đặt tên”, cũng không phải hễ thực hiện được những kho dữ liệu nghiên cứu khoa học về khoáng chất, thực vật và động vật, là coi như hoàn tất việc dán nhãn cho chúng, mặc dầu công trình đồ sộ của các khoa học gia để hàng triệu triệu vật thể có tên có tuổi thật rất đáng nể trọng. Thánh Ý kỳ diệu của Đấng Tạo Thành không

quan tâm đến số liệu và số lượng. Nếu cần, hễ sáng tạo ra vật thể nào thì Thiên Chúa liền đặt tên cho vật thể đó ngay, như vậy vừa nhanh gọn, vừa chính xác, bởi lẽ ngoài Người ra không ai biết rõ bản chất thực sự của các thụ tạo. Do đó, sự kiện con người được Thiên Chúa ủy thác cho việc đặt danh tánh cho muôn loài phải hiểu là Đấng Sáng Tạo muốn con người dùng đôi tay, khối óc và con tim của mình—những thành tố của lao động nhân văn—để thuần hóa, ký nhận và đóng dấu ấn nhân bản lên trên toàn thể tạo thành, biến công trình sáng tạo của Thiên Chúa thành công trình phục vụ con người.

Nhờ lao động và tính cần mẫn, con người—vốn được phép tham gia vào tài nghệ và đức khôn ngoan của Thiên Chúa—làm cho cõi tạo thành, cả khối vũ

trụ đã được Chúa Cha định đặt, thêm xinh đẹp hơn. Con người vận dụng mọi năng lực của xã hội và cộng đồng để gia tăng thêm công ích, trước hết và trên hết nhằm phục vụ những người túng thiếu nhất. Lao động nhân văn, một khi được hướng đến đức ái như mục tiêu tối hậu, trở thành một dịp tốt để suy ngẫm, để thành tâm cầu nguyện, để tinh táo vươn lên, trong khắc khoải mong chờ, đón đợi một ngày không bao giờ kết thúc.⁹



1. Xh 1:8-14.

2. Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II, “*Thư Gửi Các Gia Đình*”, Daughters of Saint Paul: Pasay, 1994; số 2.

3. St 2:4b-17.

4. Dựa ý câu “*Vũ vô kiểm tỏa năng lưu khách, sắc bất ba đào dị nịch nhân*”, nghĩa là: mưa không cần xiềng xích mà giữ được khách, sắc đẹp chẳng có sóng gió mà nhận chìm được người.

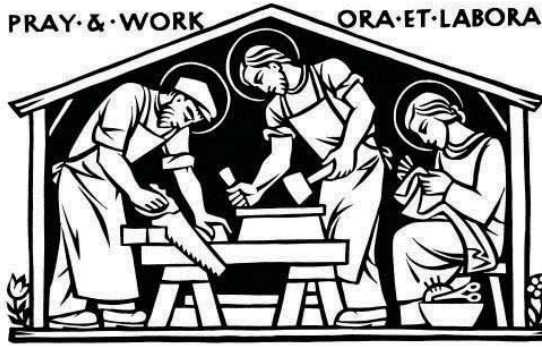
5. Do vậy mà từ “mẹ” ghép với từ “đất” (đất mẹ, quê mẹ, nhà mẹ) nghe thật gần gũi, thân thương, nhớ nhung da diết như cào như cứt côi lòng khi xa cách, mãi cho đến lúc lìa đời cũng không sao quên được (trở về lòng đất mẹ).

6. Tv 104:13-15.

7. Xin tri ân Nhạc sĩ Y Vân đã dạy cho nhiều thế hệ con cái người Việt biết vinh danh công ơn của mẹ: “*Lòng Mẹ Bao La Như Biển Thái Bình!*”

8. Xc St 2:19.

9. GHXHCG, số 266.



“CON NGƯỜI SỐNG KHÔNG CHỈ NHỜ CƠM BÁNH” (MT 4:4)

ĐÌNH VƯỢNG

Tôi được gợi ý viết bài chia sẻ với bạn đọc xoay quanh chủ đề “*Xây dựng môi trường lao động mang tính nhân văn*”. Tôi không biết phải viết như thế nào với một chủ đề thoạt xem rất thời sự, phong phú, đa dạng và rất gần gũi với cuộc sống vì có liên quan đến ‘cơm áo gạo tiền’. Chủ đề gợi ý có rất nhiều chuyện để nói, nhiều vấn đề cần bàn bạc. Ở đây, xin được chia sẻ với bạn châm ngôn đặc biệt của các đan sĩ dòng thánh Biển Đức và dòng Xitô “*Ora et Labora – Cầu nguyện và Lao động*”; và một biểu tượng rất sát với chủ đề này ở loại sách “*Học làm người*” của Nhà sách Khai Trí trước 1975.

ORA et LABORA¹ – CẦU NGUYỆN và LAO ĐỘNG

Châm ngôn nói trên là sự cô đọng toàn bộ cuốn Tu luật của thánh Biển Đức, được các đan sĩ xem như linh đạo của đời đan tu. Những gì được biết liên quan đến sự nghiệp thánh Biển Đức thành Nursia (480-547) đã được thánh Giáo hoàng Grêgôriô Cả (590-604) viết lại trong tác phẩm ‘*Dialogues – Đối thoại*’ của ngài.

Các nhà viết sử văn minh phương Tây không thể viết lịch sử mà không đã động đến lịch sử Kitô giáo kể từ sau Chiếu chỉ Milan năm 313, quyền tự do tôn giáo ở đế quốc Roma được thừa nhận, và đặc biệt, năm 380, Hoàng đế Theodose tuyên bố Kitô giáo là quốc giáo. Sẽ không quá lời khi nói rằng, từ những thế kỷ đầu và thời Trung cổ,

sự hiện diện của Kitô giáo đã làm nên lịch sử văn minh phương Tây, trong đó có sự góp phần không nhỏ của các đan sĩ Biển Đức.

Lúc xa lánh thế tục sống ẩn dật 3 năm ở hang Subiacô, đời sống thánh thiện của Biển Đức được nhiều người mộ mến, xin ngài nhận làm đệ tử. Biết không thể từ chối, năm 520, ngài quyết định lập một đan viện ở Subiacô và phát triển thêm 12 đan viện ở quanh đó. Khoảng năm 529, ngài lập một đan viện khác ở trên đỉnh núi Monte Cassinô cách Rome 60 km. Chính tại đây, thánh Biển Đức viết Tu luật. Cuốn Tu luật này đã được thánh Giáo hoàng Grêgôriô Cả phổ biến.

Khi viết Tu luật, thánh Biển Đức chất lọc những tinh hoa của truyền thống đan tu Kitô giáo ở các cuốn luật trước đó của thánh Pacômiô, Basiliô, Augustinô, của Cassianô và ngài đưa ra một con đường tu đức không đòi hỏi phải quá khổ chế, có thể nói, Tu luật của ngài có tính trung dung, ngay cả người tín hữu cũng có thể tìm gặp trong cuốn luật này nhiều điều giúp hoàn thiện hóa cuộc sống Kitô hữu của mình. Tu luật của ngài phản ánh cuộc sống của ngài, thánh Grêgôriô Cả nói “*Thánh Biển Đức không dạy gì khác ngoài những điều ngài đã sống!*”

Sau khi thánh Biển Đức qua đời, ở phương Tây xuất hiện nhiều cộng đoàn đan tu áp dụng cuốn Tu luật của ngài, lấy châm ngôn “*Cầu nguyện và Lao động*” làm linh đạo.

“*Với châm ngôn : “Cầu nguyện và Lao động” (Ora et Labora), các đan sĩ không những được huấn luyện về đời sống thiêng liêng mà còn được đào luyện cả về nhân bản, tâm lý và thể lý nữa. Nhờ lao động trí óc và chân tay như vậy, người đan sĩ xây dựng được một đời sống quân bình về thân xác lẫn tâm hồn. Đồng thời cũng tạo ra được nhiều thành quả tốt đẹp cả về mặt kinh tế, nghệ thuật, văn hóa, xã hội. Trong cuốn Đối thoại, thánh Grêgôriô Cả xác quyết: “**Nhờ cây Thập giá, quyển sách và cái cày, thánh Biển Đức đã khôi phục lại nền văn minh Âu châu**”, đem lại những ích lợi thiết thực cho xã hội lúc bấy giờ. Quả thật điều đó không sai chút nào, nếu đọc lại lịch sử, ta không thể phủ nhận những đóng góp to lớn của các đan viện Biển Đức trong việc khôi phục lại nền văn minh Châu Âu: từ văn hóa, khoa học kỹ thuật, cũng như nghệ thuật cho đến đời sống tâm linh. Chẳng hạn như việc mở các trường học, học viện, các trung tâm dạy nghề, hay các trường nghệ thuật, mỹ thuật, hội họa, các xưởng thợ... phát minh ra những máy móc, dụng cụ sản xuất phục vụ cho nông nghiệp, giúp cho người dân lao động nghèo được cải thiện và nâng cao đời sống. Tóm lại, linh đạo thánh Biển Đức đã góp phần làm thăng tiến con người, xã hội và Giáo hội một cách phong phú và đa dạng².*”

Ở Tu luật³, giá trị của lao động được thánh Biển Đức nhấn mạnh ở chương 48. Tính cộng đoàn, một đặc điểm mới của tổ chức lối sống đan tu do ngài khởi xướng, và *định sở* hay *vinh cư* - có nghĩa là yên vị, ổn định sống suốt đời trong một đan viện - trở thành một trong những Lời Khấn đặc biệt của hội dòng Biển Đức⁴. Tính cộng đồng và việc ăn ở với nhau suốt đời, cùng ‘*hỗ trợ*’ nhau tiến bước trên con đường trọn lành luôn hối thúc các đan sĩ ‘*miệt mài làm việc*’. Ở chương 48, “*với thánh Biển Đức, mục đích của lao động không phải chỉ là kiếm sống, như ngài nói ở câu 8: “Họ chỉ là đan sĩ thực sự khi sống bằng công việc do tay mình làm”*; nhưng nhất là để chống lại “*sự nhàn rỗi là thù địch của linh hồn*” (c.1). Đời sống đan tu và sự nhàn rỗi, ươn lười, chênh mảng

không thể hòa hợp với nhau được.

Nhưng phải cẩn thận kéo lại làm méo mó tư tưởng của thánh Biển Đức. Ngài không bảo lúc nào cũng phải làm việc để tránh suy nghĩ. Ngài cũng không bảo phải thay thế cơn lốc tư tưởng bằng đủ thứ công việc. Như ngài đề nghị, làm việc không phải đơn thuần là để lấp chỗ trống, để đan sĩ giải khuây; điều đó chỉ càng gây thêm thiệt hại.

Vai trò đầu tiên của lao động, một phương diện cơ bản của con đường thiêng liêng, đó là dạy ta biết ở với chính mình, biết đi xuống tới những giới hạn của thân xác mình, nếu có thể nói được như thế. Lao động đưa đan sĩ từ cái mơ mộng, từ cái ảo tới cái hiện thực.

Nhưng lao động cũng có một chiều kích khác: nó giúp ta phục vụ ích chung, phục vụ người khác. Đó là điều phân biệt cách cơ bản lao động với công việc chỉ làm để tiêu khiển. Lao động không tìm mình, không vì lợi ích riêng, nhưng là phương tiện chắc nhất để ra khỏi mình, để quên mình đi. Lao động là một trong những nơi chốn xác thực nhất để gặp được tha nhân. Khi đưa ta từ cái ảo tới cái thực, và từ sự yêu mình tới tình yêu tha nhân, lao động là một khoa sư phạm thiêng liêng đích thực, một con đường hoá cải tuyệt vời.⁵

Đối với thánh Biển Đức, Đan viện là “Trường học phụng sự Thiên Chúa, mà Thầy dạy là chính Chúa Thánh Thần”, và ngài còn ví đan viện là ‘xưởng’.

Xưởng: ai cũng hiểu được rằng xưởng là nơi có nhiều người thợ luôn miệt mài, cần mẫn để làm ra của cải. Thợ, một hình ảnh biểu thị sự thấp hèn của một giai cấp nhỏ bé trong xã hội, và đan sĩ là thợ nói đến sự khiêm cung, luôn ý thức địa vị làm tôi và chỉ biết chuyên chăm, cần mẫn trên đường ‘tu tâm dưỡng tánh’ Thợ và Xưởng làm tôi liên tưởng đến sự miệt mài ngày đêm của từng con ong thợ cần mẫn góp phần xây tổ (xưởng). Nói xưởng thì phải nói đến công cụ để sản xuất, công cụ ở đây không những là các phương thế tu đức mà còn là của cải vật chất người thợ cần phải biết trân trọng, gìn giữ, bảo quản “Phải coi các

dụng cụ và của cải Đan viện như bình thánh trên bàn thờ” (Tl, Ch.31,10) và “Nếu ai cẩu thả trong việc sử dụng đồ dùng Đan viện, sẽ bị khiển trách” (Tl, Ch.32,4)

Lúc con người trân trọng giá trị lao động hay việc làm và ý thức rằng chính Thiên Chúa truyền dạy con người phải lao động (St 2,15), cho con người được tham gia vào công trình tạo dựng của Ngài. Lao động nâng cao phẩm giá con người, lao động làm tôn vinh Chúa. Chính lao động, các đan sĩ (và mọi người) đã góp phần xây dựng đức ái một cách cụ thể, dù ngấm ngấm hay công khai.

Hẳn nhiên, thánh Biển Đức không chỉ nói lao động tay chân, nhiều nơi trong Tu luật ngụ ý cả lao động trí óc (Tl, Ch.2,4-6; 8,3...)

MỘT BIỂU TƯỢNG ‘ĐẸP’...

Tôi tin rằng trước năm 1975, rất nhiều người quan tâm đến loại sách ‘Học làm người’. Loại sách này được hình thành mạnh mẽ nhất tại miền Nam kể từ khi học giả Phạm Văn Tư mở nhà xuất bản “Học Làm Người” và cho in tác phẩm đầu tiên có tên gọi “Bấp thịch trước đã”.

Sách học làm người xuất hiện từ rất lâu, khoảng 1949-1950, chính ông Phan Tấn Tư là người tiên phong mở mang văn hóa miền Nam trong thời kỳ chuyển tiếp thuộc địa qua độc lập. Chính ông thành lập Nhà xuất bản và phát hành với sự cộng tác của nhiều tên tuổi như Nguyễn Hiến Lê, Thu Giang Nguyễn Duy Cần, Phạm Côn Sơn, Hoàng Xuân Việt, và Phạm Cao Tùng. (Phạm Cao Tùng không phải ai xa lạ, chính là bút danh của Phạm Văn Tư). Sau này, loại sách ấy vẫn được Nhà sách Khai Trí tiếp tục duy trì.

Các tác giả nói trên và một số tác giả khác ở miền Nam trước 1975, vì yêu quê hương dân tộc, vì muốn đất nước có những con người Việt Nam ‘văn minh tiến bộ hợp với nhân phẩm’ đã lao động sáng tạo ra loại sách này.

Chẳng biết ai trong số tác giả loại sách học làm người, hay có thể là của Nhà sách Khai Trí, vẽ ra biểu tượng nho nhỏ ở bìa sách đính kèm, theo tôi, nó phù hợp với chủ đề “Xây dựng môi trường lao động mang tính nhân văn”.

Một người nông dân đang lao động cần cù, chăm chỉ khai phá ruộng đất dưới ánh nắng mặt trời. Bao quanh biểu tượng là dòng chữ *Nỗ lực rồi cậy trông*. Ý tưởng thâm sâu của tác giả vẽ biểu tượng nói đây đã quá rõ. Qua biểu tượng này, xin được chia sẻ thêm về ý nghĩa của lao động.

Người nông dân là chủ thể, tác nhân của lao động. Ông ta làm việc cần cù, chăm chỉ, vất vả để có phương tiện sinh sống, để gia tăng lợi tức, và để góp phần ích lợi cho tha nhân, cộng đồng.

Cũng không thể không nói đến việc ‘nghỉ ngơi’ vì kết quả của sản phẩm ông làm ra, ông có quyền được nghỉ ngơi, hưởng thụ, thư giãn vì chính Thiên Chúa đã hành động như vậy “Vào ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi sau tất cả những gì đã làm” (St 2,2) Nghỉ ngơi không những là bổn phận của người Công giáo ở các ngày Chủ nhật và lễ buộc (GLHTCG số 2185) mà còn là bổn phận của người Công giáo (HTXH, 285) và là quyền lợi chính đáng của người lao động, Nhà nước có trách nhiệm phải đáp ứng... (HTXH, 286)

Cuối cùng, *Nỗ lực rồi cậy trông*. Cậy trông điều gì nếu không phải là tin tưởng và trông chờ những sản phẩm do mình làm ra cho chính mình, cho tha nhân, cho xã hội, tức là cậy trông kết quả của lao động! ♦

1. Khẩu hiệu đề cập ở bài viết là của dòng tu Biển Đức, đọc đầy đủ: “Ora et labora (et lege), Deus adest sine mora.” “Cầu nguyện và làm việc (và đọc tiếp), Thiên Chúa là ở đó không bao giờ chậm trễ.” “Pray and work (and read), God is there without delay”

2. X. “Những Nẻo Đường Tâm Linh - Linh Đạo thánh Biển Đức”, Benado Nguyễn Văn Độ, OC. & G. Kim Khẩu Nguyễn Văn Nam, OC.

3. Tu luật, x. <https://sites.google.com/site/chanlyvinhcuu/tu-luat-cua-thanh-bien-dhuc>

4. Các đan sĩ Biển Đức khấn hứa ba điều: định sở (không lang thang nay đây mai đó), hoá cải và vàng phục bề trên.

5. Chú giải Tu luật Biển Đức, bản dịch, X. www.chausonus.com/Chi-tiet-bv/195/Tu-luat-cha-thanh-bien-duc

Kitô hữu, qua bí tích rửa tội, là những người đi theo Chúa Kitô. Họ đều có ơn gọi chung là nên thánh. Ơn gọi nên thánh này, Thánh Josemaria Escriva, người sáng lập phong trào Opus Dei, nói cần phải thực hiện bằng cách thánh hóa công ăn việc làm, thánh hóa bản thân trong công việc và thánh hóa người khác qua công việc của chúng ta. Người Việt Nam Công giáo chúng ta có thói quen dự lễ ngày mồng ba Tết âm lịch để thánh hóa công ăn việc làm.

Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, dưới sự chủ trì của Hồng y Turkson, đã phát hành quyển cẩm nang, một *vade mecum*, có nhan đề *Ơn gọi của nhà lãnh đạo doanh nghiệp*, nhằm cung cấp những hướng dẫn mang tính thực tiễn về giáo huấn xã hội Công giáo cho giới doanh nhân. Cẩm nang được “trình làng” trong cuộc hội thảo quy tụ 2.000 lãnh đạo doanh nghiệp Kitô giáo ngày 30/3 và 1/4 năm 2012 tại Lyon, Pháp. Tháng 11 năm 2014, cẩm nang phát hành lần thứ tư, có sửa chữa những sai sót và có những thay đổi nhỏ như gọi đức Gioan XXIII và đức Gioan Phaolô II là “Thánh” để phản ánh sự kiện hai vị cùng được tuyên thánh vào tháng 4 năm 2014 và đức Giáo hoàng Phanxicô xuất hiện lần đầu tiên với những trích dẫn từ Tông huấn *Niềm vui Tin Mừng*.

Ơn gọi doanh nhân là một ơn gọi đích thực nhân văn và Kitô giáo. Đức Giáo hoàng Phanxicô gọi đó là “một ơn gọi cao quý, với điều kiện những người tham gia kinh doanh thấy mình được thách thức bởi một ý nghĩa lớn hơn trong cuộc sống; điều này sẽ giúp họ thực sự phục vụ công ích bằng cách cố gắng làm gia tăng của cải cho thế giới này và làm cho của cải đến với tất cả mọi người nhiều hơn” (EG, 203).

“Khi các doanh nghiệp và các thị trường nói chung đang hoạt động một cách đúng đắn, và được quản lý hiệu quả bởi các chính phủ, chúng đóng góp một phần không thể thay thế được về sự thịnh vượng vật chất

và thậm chí cả về tinh thần cho nhân loại” (*Ơn gọi của nhà lãnh đạo doanh nghiệp*, 2).

Khi hoạt động tốt, các doanh nghiệp đóng góp vào công ích. Tuy nhiên, thất bại của các doanh nghiệp và thị trường ngược lại gây ra những tác hại khôn lường.

Cẩm nang thăm dò những thách thức và lợi ích của bốn “dấu hiệu của thời đại” là (i) toàn cầu hóa, (ii) các công nghệ truyền thông, (iii) tài chính hóa và (iv) các thay đổi văn hóa; và những trở ngại đối với công ích. Trở ngại lớn nhất đối với nhà lãnh đạo doanh

547). Nghĩa là rất “giáo huấn xã hội”, rất chân truyền.

Trung tâm của doanh nghiệp là nhân vị và phẩm giá con người. Phải quan tâm cổ vũ điều mà đức Giáo hoàng Bênêdictô XVI gọi là việc “phát triển con người toàn diện”, nghĩa là phát triển mọi chiều kích của tất cả mọi người và mỗi người. Doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện được điều này khi trở thành “một cộng đồng các nhân vị”. Cẩm nang nhắc lại lời của Thánh Gioan Phaolô II nói rằng “mục đích của doanh nghiệp không phải chỉ làm ra lợi nhuận, nhưng phải được tìm thấy trong chính sự hiện

ƠN GỌI CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP

ĐAN QUANG TÂM



nh nghiệp đó là sống một cuộc đời “chia rẽ” phân ly giữa đạo đời để cập đến trong *Hiến chế Vui mừng và Hi vọng số 4*.

Cẩm nang được biên soạn theo phương pháp Xem - Xét - Làm, do linh mục và hồng y người Bỉ Joseph Leo Cardijn (1882-1967) phát kiến và áp dụng trong phong trào Thanh Lao Công do ngài sáng lập. Phương pháp này có nguồn gốc tri thức từ mô tả của Thánh Tôma Aquinô về đức khôn ngoan và được giảng dạy trong Học thuyết Xã hội của Giáo hội (x. Thông điệp *Mẹ và Thầy*, 236 và Quyển *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*,

hữu của doanh nghiệp như một cộng đồng các nhân vị nữa, cộng đồng này bằng những phương thức khác nhau đang cố gắng đáp ứng các nhu cầu căn bản của mình và hình thành một nhóm phục vụ toàn thể xã hội” (Thông điệp *Bách chu niên*, 35).

Nói tóm lại, cẩm nang khích lệ và truyền cảm hứng cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp “xem những thách thức và cơ hội trong công việc của mình; xét chúng theo nguyên tắc xã hội của Giáo hội, và làm (hành động) như những nhà lãnh đạo phục vụ Thiên Chúa” (*Ơn gọi của nhà lãnh đạo doanh nghiệp*, 87). ♦

Không biết từ bao giờ, lao động luôn là hoạt động thiết yếu của con người để sinh sống, tồn tại và phát triển trên hành tinh này. Nhưng lao động cũng khiến con người phải mệt mỏi và khó nhọc. Cho nên, chúng ta vẫn có xu hướng tránh né làm việc, muốn “ngồi mát ăn bát vàng” hơn.

Làm việc luôn gắn liền với nặng nhọc?

Thiên Chúa phán: “Người phải làm đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn” (St 3, 19). Phải chăng Thiên Chúa đã định phần cho con người phải khó nhọc: đổ mồ hôi, sôi nước mắt mới có của ăn, áo mặc? Con người làm việc trước hết là vì của ăn, sau mới đến mặc và các nhu cầu khác. Làm việc, nói kiểu bình dân cũng là kiếm ăn, kiếm sống. Đó là những hành vi của bản năng sinh tồn. Như vậy, hành vi ấy rất tự nhiên, không ai cưỡng bức hay ép buộc, như muôn loài sinh vật: con trâu tìm cỏ, con cá kiếm ăn, con chim tha mồi, cái cây hút dưỡng chất... Nhưng trong muôn loài sinh vật, xem ra con người phải cực thân, lao tâm khổ tứ nhất trong hành trình sinh tồn.

Cuộc sống hàng ngày cho thấy rõ, con người vì miếng cơm manh áo, đã và đang nhập vai trong màn kịch cuộc sống lao động vô cùng đa dạng, đa nhân vật: phản diện, chính diện, vừa phản diện vừa chính diện rất tinh vi hư hư thực thực theo kiểu Nhạc Bất Quần; đa thành phần, từ người giàu sang đến kẻ nghèo hèn, từ người trí thức đến tầng lớp bình dân ít học, từ người có chức quyền đến dân đen..., người thì tận tảo sớm tối làm việc thu lợi bằng sức lao động chân chính, kẻ thì toan tính thu lợi bằng việc sử dụng mồ hôi của người khác, lại có kẻ thủ đoạn, mưu mô giành giật, tước đoạt sản phẩm lao động của người khác, thậm chí không ngần ngại chà đạp, hãm hại họ để thu lợi cho mình, sẵn sàng đốt nhà người khác để chỉ luộc một quả trứng gà cho mình. Thương trường là một dạng lao động kiếm sống của con người hiện đại, hệt như chiến trường, nơi chỉ toàn đấu tranh, giành giật, thắng bại và chết chóc. Đúng là lao động tàn khốc!

Vườn địa đàng vẫn còn đây

TÍN THÀNH

Tại sao con người xem ra phải khổ hơn muôn loài? Chắc do con người toan tính quá chăng? Vì muôn loài hầu như không có khả năng toan tính. Toan tính là sản phẩm của trí khôn. Vậy hóa ra, tưởng con người “ngon” hơn vạn vật nhờ có trí khôn, ai ngờ chính cái “ngon hơn” ấy đem ra hại con người. Có lẽ một điều nữa ai cũng nhận thấy, sở dĩ con người toan tính quá là bởi chúng ta muốn chiếm hữu thật nhiều của ăn và vật chất cho riêng mình, nhiều bao nhiêu có thể, hết phần của người khác cũng được? Vậy là bởi lòng tham lam mà phải khổ (triết lý nhà Phật). Người ta mong muốn “cái hơn” là điều hợp lý với qui luật phát triển. Nhưng, tham lam là mong muốn chiếm hữu vượt quá sự chính đáng đối với sức lực, tài năng và nhu cầu của mình. Lòng tham không đáy sẽ đẩy người ta đến thảm họa khôn lường.

Tham lam, ích kỷ dẫn đến hại người và hại mình là tội xấu – nói cách khác là tội của con người. Vậy, khi con người phạm tội, lao động trở nên nặng nhọc. Lời Thiên Chúa phán: “Người sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời người, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra” (St 3, 17), là lời tiên báo cho con người biết, sau khi họ đã phạm tội. Chứ Thiên Chúa là Đấng cực tốt lành, không thể định phần đau khổ cho con người. Đến

đây ta thấy, nguyên nhân chính yếu nhất khiến lao động của con người trở nên nặng nhọc và khổ đau là bởi TỘI.

“Người ta không chỉ sống nhờ cơm bánh” (Lc 4, 4). Lao động của con người không phải lúc nào cũng nặng nhọc, đổ mồ hôi. Khi xưa, con người sống trong vườn Địa đàng, chắc chắn cũng phải làm việc mới có của ăn, chứ không vô lý mà thức ăn có sẵn chạy vào miệng. Nhưng không có ghi nhận nào nói về sự đau khổ khi ấy. Cảnh tượng Địa đàng luôn là hình ảnh tràn đầy hoan lạc, bình an và hạnh phúc. Rõ ràng, khi con người làm việc kiếm sống với tấm lòng lương thiện, chính đáng và yêu thương nhau, thì sẽ không có nặng nhọc và đau khổ.

“Trong giáo huấn của mình, Đức Giêsu dạy con người không được nô lệ cho lao động. Trên hết, con người phải quan tâm tới linh hồn mình; giành được cả thế giới không phải là mục đích của cuộc đời con người (x. Mc 8,36). Thật vậy, mọi kho tàng trên đời này đều sẽ tiêu tan, còn kho tàng trên trời thì không thể nào bị hư hỏng. Loài người nên đặt hết tâm hồn mình vào những kho tàng trên trời ấy (x. Mt 6,19-21). Vì thế, không được biến lao động thành nguồn sinh ra mọi lo lắng (x. Mt 6,25.31.34)” (GHXHC, 260). Cuộc sống của con người không phải chỉ cần có nhiều của ăn vật chất như muôn loài sinh vật, mới là hạnh phúc. “Nhân linh ư vạn vật”, người còn phải sống nhờ vào giá trị khác nữa: lòng tử tế, tình yêu thương, niềm tin tâm linh. Chúa Giêsu xác định rõ cho chúng ta biết: “Người ta không chỉ sống nhờ cơm bánh, mà còn nhờ mọi lời do miệng Thiên Chúa phán ra” (Mt 4, 4). Như vậy, con người trong quá trình sống, không phải chỉ có đi tìm cơm bánh, mà còn phải tìm Lời Chúa. Lời Ngài giúp con người làm việc với tấm lòng lương thiện, chính đáng và yêu thương nhau, nên sẽ đưa đến sự sống cho họ và cho mọi người. Biết đặt của ăn vật chất đúng vai trò giới hạn của nó, giúp người ta bớt tham lam và bớt tội, như thế lao động sẽ ▶

► **bớt cực nhọc rất nhiều.**

Làm việc vì yêu thương, không những chẳng thấy cực nhọc, mà còn khiến người ta hạnh phúc nữa. Cuộc sống hàng ngày cho thấy, khi hai người nam nữ yêu thương nhau, họ làm việc để phục vụ cho nhau, là thấy hạnh phúc lắm. Cha mẹ và con cái yêu thương nhau, làm việc để nuôi dưỡng, chăm sóc, phục vụ nhau, cũng thấy vui lòng. Cảnh làm việc như vậy có khác chi trong vườn Địa đàng khi xưa.

Vậy vườn Địa đàng là vũ trụ này, Thiên Chúa đã sáng tạo từ ngàn xưa vẫn tốt đẹp và tồn tại đến hôm nay, chỉ có Địa đàng trong lòng người ta là mất đi do tội thôi. Khi con người trở về tình trạng tốt lành nguyên thủy như ngày Thiên Chúa tạo dựng, thế giới nay lại là Địa đàng, lao động lại không còn nặng nhọc, khổ đau.

Thiên đàng và Hỏa ngục cũng chỉ khác nhau ở lòng người, ở chỗ người ta đối xử với nhau thế nào. Có câu chuyện kể sau đây cũng rất đáng suy nghĩ: Một ký giả kia được phép xuống hỏa ngục và lên thiên đàng, để làm một bản phóng sự sống động về cư dân tại đó.

Trước tiên, anh xuống hỏa ngục, đúng vào giờ ăn. Nhìn vào bàn ăn, anh lấy làm lạ vì thấy trưng bày toàn sơn hào hải vị thơm ngon, làm anh nuốt nước bọt thêm muốn. Nhưng lúc cư dân địa ngục tiến vào phòng ăn, anh ta càng ngạc nhiên hơn, vì thấy ai cũng ốm o, gầy còm, da bọc xương. Chứng kiến họ dùng bữa, kinh ngạc của anh mới tan biến. Vì dưa, đuông, nĩa, rất dài buộc dính vào đôi tay, không cho phép họ đưa thức ăn vào miệng, nên dù họ cố gắng mấy, thức ăn chỉ đổ ra bàn hay rơi tung toé xuống đất. Tệ hơn nữa là họ tranh giành nhau, và đuông nĩa, thay vì đưa thức ăn vào miệng, lại thành khí giới đâm chém nhau, máu đổ lênh láng. Khi chuông báo giờ ăn đã mãn, họ buồn phiền rời phòng ăn, dạ dày vẫn trống rỗng.

Quá sợ hãi, chàng ký giả rời địa ngục để lên làm phóng sự trên thiên đàng. Đến nơi cũng đúng giờ cơm. Bàn ăn trưng bày những thức ăn rất ngon miệng, song đơn sơ. Quan sát chung quanh, anh thấy ai cũng khoẻ mạnh, tươi vui, xinh đẹp. Đôi tay họ cũng được gắn chặt những đuông, nĩa hoặc dưa rất dài. Có khác là thay vì họ cố gắng đưa thức ăn vào miệng mình, thì họ lại yêu thương dùng dưa, đuông, nĩa để đút thức ăn cho nhau. Phòng ăn vang lên tiếng nói, tiếng cười, lời ca hát vui vẻ, thỏa mãn. (Theo thanhlinh.net)

"Cho đến nay, Cha tôi vẫn làm việc, thì tôi cũng làm việc"
(Ga 5,17)

Vườn Địa đàng hay Thiên đàng có phải là nơi không phải làm việc gì, nhàn rỗi, chỉ ngồi chơi xơi nước vẫn no đủ? Một kiểu quan niệm về Thiên Đàng như thế, dễ đưa người ta đến lười biếng, tránh né làm việc, muốn "ngồi mát ăn bát vàng". Không thiếu cha mẹ người Việt Nam ta xưa nay có xu hướng giáo dục con cái cố gắng học tập để sau này nhàn hạ tẩm thân. Làm ra nhiều của cải giành

cho con, cũng là muốn chúng sau này khỏi phải làm việc vẫn có ăn. Xem ra, lối yêu thương như thế hướng con cái đến một trạng thái tiêu cực trong tương lai nhiều hơn tích cực. Thực tế chứng minh cho thấy, không thiếu gia đình để lại cho con cái những gia tài kếch xù, nhưng tai họa cho chúng cũng từ đó mà ra.

"Đức Giêsu còn dạy chúng ta cần phải trân trọng lao động. 'Bản thân Người, sau khi trở nên giống chúng ta trong mọi sự, đã dành phần lớn năm tháng sống trên đời này để lao động tay chân trên bàn thợ mộc' (Thông điệp Lao động Con người của Đức Gioan Phaolô II, 6) tại xưởng thợ của thánh Giuse (x. Mt 13,55; Mc 6,3), và vâng lời ngài (x. Lc 2,51). Đức Giêsu lên án thái độ của người đầy tớ vô dụng đem chôn nén bạc của mình (x. Mt 25,14-30) và ca ngợi người đầy tớ trung thành và khôn ngoan mà Chủ tìm thấy đang chăm chỉ làm công việc Chủ giao (x. Mt 24,46)" (GHXHC, 259).



Chúa Giêsu đã khẳng định, Cha Ngài luôn làm việc, và Ngài cũng vậy. Thiên Đàng là nơi có Chúa, vậy đó chắc chắn không phải nơi nhàn rỗi. Nhưng, Ba Ngôi Thiên Chúa: Cha, Con và Thánh Thần hằng làm việc trong yêu thương để sáng tạo, quan phòng, đặc biệt là bắc nhịp cầu giao hòa và thánh hóa thế giới này bằng cây Thánh giá hồng phúc có Con Thiên Chúa ngự. Cho nên, niềm mong ước đến Thiên đàng, không phải là được đến nơi nhàn rỗi, không phải làm gì, mà đúng hơn là nơi làm việc, phục vụ trong tình yêu thương. Chính tình yêu ấy làm cho người ta nên một với Thiên Chúa và với nhau, nhờ đó mà thông phần vinh quang viên mãn, hạnh phúc tràn đầy với Ngài.

Thi sĩ Anh thế kỷ 17 John Milton sau khi sáng tác tập thơ Paradise Lost (Vườn Địa Đàng đã mất), trước câu hỏi đặt ra bởi Thomas Ellwood "Ông đã nói nhiều về Vườn Địa Đàng đã mất, ông phải nói gì về Vườn Địa Đàng tìm được?", đã viết tiếp thi phẩm Paradise Regained (Vườn Địa Đàng lấy lại), trong đó ông mô tả cuộc chiến nơi hoang địa giữa Chúa Giêsu và Satan và Ngài đã chiến thắng để giành lại Vườn Địa Đàng cho chúng ta.

Địa đàng vẫn còn đây khi "Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn nhờ mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra" (Mt 4,4). ♦

Hiện trạng đáng buồn

Lâu nay Việt Nam ta nói nhiều đến khái niệm “chảy máu chất xám”, diễn tả hiện trạng những trí thức mất cơ hội cống hiến cho nước nhà, phải đưa tài trí và tâm huyết đi phục vụ cho các ngành khoa học ở nước ngoài.

Nhưng còn một thực trạng đáng nói nữa, cũng từ nhiều năm nay, chính phủ Việt Nam thực hiện và cho phép thực hiện chế độ “xuất khẩu lao động”, nay gọi với cái tên mỹ miều hơn chế độ “tu nghiệp sinh” hoặc “thực tập sinh”. Khởi đầu chỉ những doanh nghiệp nhà nước mới có quyền làm, những năm gần đây đã cấp phép cả cho tư nhân. Cho nên, dịch vụ này có xu hướng đang phát triển mạnh.

Các doanh nghiệp thực hiện gọi là các công ty phái cử. Thường thì các công ty phái cử của Việt Nam hợp tác với các nghiệp đoàn của nước ngoài, các nghiệp đoàn ấy đi tìm các doanh nghiệp trong nước họ có nhu cầu tuyển lao động nước ngoài. Và qua đó, các bạn trẻ (có tay nghề và cả không có) được đưa đến các công ty, nhà máy, công xưởng..., để làm việc, chủ yếu ở các ngành công việc nặng nhọc: cơ khí, hàn xì, nấu ép nhựa, điện tử, may mặc, sơn, chăn nuôi, trồng trọt...

Đây là một hoạt động rất “béo bở” cho các công ty phái cử và các nghiệp đoàn nước ngoài. Các công ty phái cử ngoài thu lợi từ việc nộp phí xuất cảnh của người lao động (NLĐ), họ còn thu một khoản đáng kể từ lương tháng của NLĐ trong suốt thời gian khoảng 3 năm làm việc ở nước ngoài. Càng đưa được nhiều người đi, họ thu lợi càng cao. Cho nên đôi khi, một số công ty phái cử bất chấp lợi ích, sự an toàn, và điều kiện làm việc của NLĐ, họ hợp tác với những nghiệp đoàn hoặc doanh nghiệp không tốt ở nước ngoài, và đưa NLĐ của mình đi như “mang con bỏ chợ” để thu lợi.

Các bộ phận “tạo nguồn” của công ty

phái cử về tận địa phương để quảng bá và tuyển mộ. Rất nhiều bạn trẻ, chủ yếu ở độ tuổi 18 – 30, đã và đang được mời gọi tham gia vào chế độ “tu nghiệp” này. Họ là người đang ở độ tuổi rục rờ nhất về sức khỏe, sự năng động, sáng tạo. Nhưng cái rục rờ ấy lại phải đưa đi cống hiến cho người ngoài. Chắc bản thân các em và gia đình cũng không muốn, nhưng vì trong nước quá thiếu công ăn việc làm, đành phải xa gia đình, vợ con, người yêu,... đem thân đi làm giầu cho nước người, lao động trong một hoàn cảnh khá khắc nghiệt, bị quản lý nghiêm ngặt về thời gian, suốt 3 năm không được về thăm gia đình. Chẳng may gặp sự cố gì, việc nhờ cậy giúp đỡ cũng khó khăn, cả về khả năng lẫn điều kiện.

Đồng lương của NLĐ được trả cũng rẻ hơn nhiều so với người bản xứ cùng làm công việc như nhau, đã vậy còn phải khấu trừ đi non một nửa để nuôi nghiệp đoàn và công ty phái cử. Thế là chẳng khác chi một cổ đôi ba trống, bị ăn trên đầu trên cổ.

Trách nhiệm người quản lý xã hội

Để thoát một nguồn lao động ở độ tuổi sung mãn như vậy thật đáng tiếc. Trách nhiệm đầu tiên phải thuộc về Nhà Nước, những người quản lý xã hội hiện nay. Đã không tạo ra được đủ công ăn việc làm, không xây dựng được những công ty, công xưởng, nhà máy,... thành môi trường làm việc tốt cho người dân; lại còn lấy đất đai của dân để đầu tư vào các dự án tốn kém mà chỉ phục vụ cho một số rất ít người, ví dụ các dự án sân gôn. Đền bù cho họ không được là bao, tiền đền bù người nông dân tiêu chẳng mấy chốc hết, ngó ruộng đất thì mất rồi, thành ra thất nghiệp trắng tay.

Giáo huấn xã hội Công giáo (GHXHC) chỉ rõ rằng: “*Vấn đề công ăn việc làm đang thách thức trách nhiệm của Nhà Nước, là cơ quan có nhiệm vụ đẩy mạnh các chính sách lao động tích cực, tức là những chính sách khuyến khích tạo công ăn việc làm ngay trong lãnh thổ quốc gia. Nghĩa vụ của Nhà Nước*

VIỆT NAM THẤT THOÁT SỨC DÂN

Long Thành.



► không phải là trực tiếp bảo đảm quyền lao động của mỗi công dân, khiến cho toàn bộ đời sống kinh tế trở nên hết sức cứng nhắc, cũng như hạn chế các sáng kiến tự do của cá nhân, cho bằng là “duy trì các hoạt động kinh doanh bằng cách tạo ra những điều kiện có thể bảo đảm có công ăn việc làm...” (x. TLHTXHCG 291).

Trách nhiệm của nền giáo dục thiếu thực dụng

Ngành giáo dục của ta chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển về khoa học, kỹ thuật và công nghệ của thời đại. Việc học còn quá thiếu tính thực dụng. Một sinh viên mới ra trường được tuyển vào làm trong một công ty phần mềm chia sẻ: “Chúng em vào công ty, phải được các kỹ sư nước ngoài và đồng nghiệp lớp anh chị huấn luyện cho từ những cái cơ bản, mới làm việc được..”. Các trường dạy nghề hiện nay còn quá thiếu và không trang bị được tay nghề cần thiết, đáp ứng nhu cầu công việc cho các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài tại Việt Nam. Cho nên nguồn lao động trẻ được tuyển dụng theo chế độ “tu nghiệp sinh” ấy đa số làm những công việc chân tay, thấp kém và nặng nhọc nhất...

“Duy trì công ăn việc làm càng ngày càng lệ thuộc vào khả năng chuyên môn của người lao động. Các hệ thống giáo dục và đào tạo không được bỏ qua việc đào tạo nhân bản hay công nghệ, là những điều rất cần để đương sự có thể chu toàn trách nhiệm một cách hiệu quả. Nhu cầu ngày càng phổ biến là mỗi người phải thay đổi việc làm nhiều lần trong cuộc đời mình đòi hệ thống giáo dục phải cổ vũ mọi người sẵn sàng tham gia việc cập nhật và tái huấn luyện liên tục. Người ta nên dạy người trẻ biết hành động theo sáng kiến của mình, dám nhận trách nhiệm đương đầu bằng khả năng chuyên môn của chính mình trước những rủi ro gắn liền với bối cảnh kinh tế biến động – một bối cảnh thường không thể dự đoán được.” (x. TLHTXHCG 290)

Trách nhiệm của người sở hữu quá

hiều của cải & điều kiện (các đại gia)

Việt Nam hiện tại không thiếu người có rất nhiều tiền của và cả khả năng tài trí. Chỉ cần vào gút-gô (google) nhập chữ ‘đại gia’ và tìm kiếm, thì ra không biết bao nhiêu thông tin đại gia từ Bắc chí Nam: đại gia xây nhà trăm tỷ, lầu đài đẹp như mơ của đại gia Việt, đại gia ‘lộ’ khối tài sản ngăm ngàn tỷ, đại gia và chân dài,...vv... Các đại gia của ta không biết làm ăn cách nào, nhưng vô cùng giàu có, khoảng cách họ với những người làm công cho họ có thể lên đến hàng nghìn, hàng triệu lần. Và khi giàu có rồi họ lo tôn tạo cơ ngơi, nơi ở rất hoành tráng xa hoa, như vua chúa ngày xưa; và ăn chơi hưởng thụ tối đa, ném tiền qua cửa sổ vào những dịch vụ ăn uống xa xỉ, hưởng lạc với các chân dài, gái đẹp rất phóng túng...!

Đúng ra họ phải quan tâm đến xã hội và công ích, đến những hoàn cảnh sống của đồng bào mình hơn. Họ nên dùng tiền của và tài trí để tạo lập nên nhiều cơ hội việc làm hơn cho giới lao động, đồng thời thiết định một qui chế lao động với các chế độ công bằng hơn trong tương quan giữa người sử dụng lao động và người lao động, để tránh rơi vào tình trạng giới chủ thì thu lợi quá nhiều, người lao động thì đồng lương không đủ sống.

Nếu không như thế, theo Nguyên tắc Liên đới của GHXHCG, các đại gia có thể ở vào tình trạng mắc nợ xã hội mà không lo trả:

“Nguyên tắc liên đới đòi hỏi con người hôm nay phải ngày càng nhận thức rõ hơn rằng họ chính là người mắc nợ xã hội mà trong đó họ là thành viên. Họ là những người mắc nợ vì tất cả những điều kiện đã làm cho cuộc sống của họ trở nên đáng sống, và vì những di sản không thể phân chia được nhưng rất cần thiết do văn hoá, do sự hiểu biết khoa học và kỹ thuật, do của cải vật chất và phi vật chất cũng như do tất cả những gì mà điều kiện con người mang lại...” (x.

TLHTXHCG 195)

Nguyên tắc Công ích trong GHXHCG cũng chỉ ra rằng, người ta không được quyền sống làm ngơ (vô cảm) với người khác, với những hoàn cảnh sống xung quanh mình. Một xã hội mà các thành phần dân chúng sống trong đó phát triển đều thì mới tốt đẹp, văn minh và ổn định:

“Con người không thể tìm được sự phát triển mỹ mãn nơi chính bản thân mình, nếu bỏ qua sự kiện là con người hiện hữu “với” người khác và “vi” người khác. Sự thật này không chỉ bắt con người phải sống với người khác ở các cấp độ khác nhau trong đời sống xã hội, mà còn bắt con người phải không ngừng tìm kiếm – không chỉ tìm kiếm trong ý tưởng mà cả trong thực tế cụ thể – điều tốt, tức là ý nghĩa và sự thật, được tìm thấy trong hết mọi hình thức đang có của đời sống xã hội...” (x. TLHTXHCG 165)

Không ai có quyền cho mình đứng ngoài việc xây dựng công ích, người có khả năng hơn, có điều kiện hơn thì càng phải đóng góp nhiều hơn:

“Công ích có liên quan tới mọi thành phần trong xã hội, không ai được miễn cộng tác vào việc thực hiện và phát huy công ích, tùy theo khả năng của mỗi người...” (x. TLHTXHCG 167)

Hiện trạng nước ta hiện nay có quá nhiều việc cần phải khắc phục, nhìn vào đâu cũng có vấn đề. Muốn làm thì phải có nhân sự, nhân sự hiện tại thừa mà lại thiếu. Người có khả năng và điều kiện thì hoặc không có cơ hội cống hiến, hoặc không chịu cống hiến cho đất nước; số khác có khả năng và sức khỏe nhưng không có điều kiện phát huy, thì bị nước ngoài trưng dụng mất. Thành ra tổn hại cho nguyên khí quốc gia biết chừng nào. Trong tình cảnh đó, GHXHCG đủ sự soi sáng và hướng dẫn cần thiết để khắc phục hầu hết các vấn đề của xã hội, có điều chúng ta có biết tận dụng nguồn cảm nang quý báu này không? ♦

Chuyện thứ nhất: Công nhân chết trong buồng tắm vì điện giật.

Mới từ Bắc vô Nam tìm được việc làm để gửi tiền ra Bắc nuôi mẹ già. Đi làm về, đặt áo ướt lên dây điện buồng tắm nhà trọ, điện giật, lăn quay ra chết ngay lập tức. Xác lại được chuyển từ Nam về Bắc.

Chuyện thứ hai: Mảnh kim loại văng ra, ghim vào tròng mắt vì không đeo kính bảo hộ.

Ông chủ đã nhắc nhở nhiều lần “Cẩn tắc vô ưu” mà cứ cố tình «đánh trống lảng». Mảnh kim loại làm mù luôn con mắt.

Chuyện thứ ba: Tóc cuốn vào máy gây lột trần da đầu, lộ toàn bộ xương sọ.

Lẽ ra cô ấy phải đội mũ che tóc chứ?

Kể sao cho hết những tai nạn gây chết chóc và thương tật.

Có lẽ tôi sẽ tập bỏ dần cái tính «ngồi mà nguyên rửa bóng tối». Tôi sẽ tập «xem xét vấn đề» và cùng với nhóm Xã Hội Công Giáo xắn tay áo «giải quyết vấn đề».

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

«Các nhà khoa học và văn hóa được mời gọi hãy tham gia giải quyết những vấn đề phức tạp và rộng lớn, liên hệ đến lao động, mà tại một số nơi đã lên tới mức bi đát. Sự đóng góp của những người ấy rất quan trọng để có thể đưa ra được những giải pháp thích hợp» (GHXH, số 320).

Tôi là bác sĩ chỉ biết ngồi trong nhà thương và chờ đợi những tai nạn đã rồi, những thân thể rã rời nát tan be bét máu me. Thế rồi chúng tôi cưa chân cưa tay, móc bỏ con mắt đã vỡ vụn, cắt bỏ lá lách chấn thương dập nát, cưa sọ để moi bỏ những phần não bị nghiền nát...

Nếu may mắn sống sót, nạn nhân sẽ phải tập luyện để phục hồi chức năng nhưng than ôi, «Thời oanh liệt nay còn đâu!» Việt Nam có thêm những thanh niên mù lòa, què cụt, ngớ ngẩn vì chấn thương sọ não!

Tôi là nhà báo, nhà văn hóa, tu sĩ ư? Tôi sẽ viết báo, lên giảng đàn, làm phim... để nhắc nhở các công nhân, các chủ nhân, các học trò, các bậc cha mẹ phải luôn coi

chuyện giáo dục là quốc sách, đừng để xảy ra những tai nạn làm nghèo đất nước vốn đã, đang và sẽ khổ ải muôn trùng (câu văn Giáo Huấn dùng đến chữ BI ĐÁT, có lẽ nước Việt Nam đang rất là bi đát muôn mặt?)

MỘT KHÁM PHÁ MỚI TỪ GIÁO HUẤN XÃ HỘI: NHÂN ĐỨC LIÊN ĐỐI.

Giáo Huấn Xã Hội coi nguyên tắc liên đới là một nhân đức (số 193-194). Khi còn bé, tôi chỉ biết có ba nhân đức TIN-CẬY- MẾN nay đã già mới nghe thêm nhân đức thứ tư LIÊN ĐỐI:

- Liên đới là dẫn thân lo cho công ích;
- Liên đới là dám chịu trách nhiệm về tất cả mọi người;
- Liên đới là dám liều mất bản thân mình vì người khác;
- Liên đới là nhận thức rằng ta là người mắc nợ xã hội.

Cả đời tôi tập tành ba nhân đức TIN-CẬY- MẾN đã thấy trầy trật, nhân đức của tôi khi sứt lúc trồi, nay lại thấy «nhô» lên lời mời sống đức LIÊN ĐỐI khiến tôi cứ phải ý thức mình là người mắc nợ xã hội. Tức là mình chẳng còn là kẻ

- Đau buồn hời hợt;
- Thông cảm mơ hồ; và
- Xa lạ ích chung.

Trái lại, từ nay tôi bước theo Đức Kitô, đáng liên đới với nhân loại sâu xa tới mức «chết trên thập giá, trao ban hoàn toàn vô điều kiện, tha thứ và hòa giải» (GHXH, số 196).

Dừng suy tư, về với đời thường:

Anh bác sĩ vừa mổ cấp cứu cho đồng bào, vừa miên man nhân đức Liên đới.

Vị tu sĩ, nhà văn hóa, nhà báo... lúc viết bài, lúc giảng giải, lúc làm phim... mà lòng dâng lên những tình tự liên đới với tổ quốc, quê hương và nhân loại.

Nhờ thế, nhờ sống tình liên đới lúc chúng ta đang lao động, chúng ta sẽ «làm cho tính nhân bản của lao động được lộ ra trên cấp hành tinh» (GHXH, số 322). ♦

TAI NẠN TRONG GIỚI LAO ĐỘNG! LIÊN ĐỐI ‘NÓI’ GÌ VỚI TA?

NGUYỄN KHANG

Nơi tôi làm việc cũng là nơi cứu độ và thánh hóa, vậy mà...

MINH HIỂN

Nhiều khi tôi ghét đi làm vì tôi lười biếng và ghét mấy người trong sở làm.

Tôi bậm môi đến sở làm chỉ vì tôi cần tiền chứ không yêu lao động theo nghĩa tích cực của công ăn việc làm.

Tôi cũng quên đi nhiệt tình truyền rao Tin Mừng cho sở làm:

Chúa dạy tôi phải đi đến cùng trời cuối đất, Đức Giáo hoàng dạy tôi phải đi ra cõi ngoại biên.

Tôi thì thích ở an nhàn trong nhà mình, chả đụng đến ai:

Xin cho tôi hai chữ bình yên.
Đền nhà ai nhà nấy rặng.

Tất một lời, nếu phải làm một «bản kiểm điểm» về tôi, thì rõ ràng tôi là người lao động THIẾU XẢ THÂN. Tôi thiếu đức tin, đức cậy, đức mến và đức liên đới khi sống ở sở làm.

Thiếu bốn nhân đức trên nên khó lòng mà tôi mang đến cho đồng nghiệp niềm hy vọng vững bền, niềm tin vui khi sống và làm việc, và nhất là mang cho họ tình yêu mà Chúa muốn nhờ tôi mang đến cho trần gian.

Tôi có lúc thấy mình «nhàn nhạt» như muối đã tàn, như son đã phai. Tôi đi tìm nguyên do đã làm cho tôi «tắt lửa lòng» với việc đời:

- Do đất nước tôi đang bị bí lối toàn diện khiến tôi cũng bị «cuốn theo chiều gió»?
- Do lương tôi thấp quá so với Thái Lan?
- Do tôi thiếu đàn anh, đàn chị gương mẫu?
- Do tôi xa dần những đẳng bậc, giới tâm linh (cha xứ, tu sĩ, sách báo đạo...)?

Suy cho cùng, có lẽ do tôi không quyết tâm “TRỞ NÊN GIÀU CÓ TRƯỚC MẶT THIÊN CHÚA” (Lc 12, 21).

Kinh tế và lao động là hai bộ mặt tối quan trọng của xã hội, vậy mà tôi thờ ơ dù tôi là thành viên xã hội, được xã hội san sẻ bao nhiêu là công ích.

Làm giàu nhân đức tin, cậy, mến, liên đới để mang ơn cứu độ cho sở làm, giúp nơi đó được phát triển, vậy mà tôi đã thành muối nhạt mất rồi!

Ai ơi giúp tôi,
Chúa ơi cứu con. ♦

(Suy tư theo Giáo Huấn XHCG số 326)

Lúc này ba chữ TPP (Trans-Pacific Partnership, Hiệp định Đối tác Thương mại Xuyên Thái bình dương) đang nổi lên với niềm hy vọng kinh tế Việt Nam nhờ vào TPP sẽ khá lên. Nhưng Giáo huấn Xã hội Công giáo nhắc ta rằng:

Kinh tế “chỉ là một khía cạnh và một chiều kích trong toàn bộ hoạt động của con người” (GHXH số 375).

Việt Nam mình giống như cô Kiều:

Bâng khuâng duyên mới?

Ngậm ngùi tình xưa!

Người Việt Nam ngậm ngùi nhớ lại chiến tranh với biết bao xác người, biết bao đổ vỡ, biết bao lý thuyết kinh tế chính trị sụp đổ tan tành, và nay thì vẫn còn tranh luận về đường hướng chính trị kinh tế, vẫn còn chia rẽ nghi kỵ lẫn nhau.

Người Việt Nam bâng khuâng duyên mới TPP, với ước vọng tăng sản xuất và tăng mức tiêu thụ hàng hóa Việt Nam. Sẽ bớt ăn mày ăn xin, sẽ bớt bán thân lao động phương



BA CÂY CHỤM LẠI

NGUYỄN TÂM LONG

xa, sẽ bớt nhục nhằn khổ ải, bao nhiêu là sẽ bớt sẽ bớt... nhờ duyên mới TPP.

Có người hi vọng qua đó sẽ có cơ may “thoát Trung”. Họ rất phấn khởi với tuyên bố của Thượng nghị sĩ John McCain cho rằng “TPP mạnh hơn 10 hàng không mẫu hạm”. Khi TPP đàm phán thành công, khả năng đối phó với sự bành trướng của Trung quốc sẽ rất đáng kể.

Giữa những băng khuâng ấy, có “tiếng kêu trong sa mạc” của Giáo Huấn Xã Hội:

“Không được giảm lược đời sống con người, cũng như đời sống xã hội của cộng đồng, vào chiều kích vật chất, cho dù của cải vật chất hết sức cần thiết cho sự sống còn và sự cải thiện chất lượng cuộc sống” (GHXH số 375).

Người Công giáo vào chốn nào đây?

Xin vào khung trời “gia tăng cảm thức về Thiên Chúa và sự hiểu biết chính mình là nền tảng của mọi phát triển trọn vẹn xã hội loài người” (GHXH số 376, trích dẫn Giáo lý HCTG, 2441).

Vào TPP, Việt Nam như vào một vận hội mới với nhiều triển vọng, nhất là về mặt kinh tế. Nhưng người Việt Nam Công giáo cần gia tăng cảm thức đức tin và có những suy tư sâu sắc, đầy tính triết học, nhân học và thần học về bản thân, về thân phận kiếp người, về ý nghĩa ở đời, về nơi ta sẽ đến sau khi chết.

Nghĩa là bản khoán với những vấn đề mà cha ông chúng ta đã từng nêu ra:

Ai sinh ra ta ?
Sống để làm gì?
Chết rồi đi đâu?

và đi đến nhận định:

Sống gửi thác về.

Đề nghị có ai giúp chúng ta hiểu sâu về TPP?

Đề nghị có ai giúp chúng ta tăng cường «cảm thức về Thiên Chúa và sự hiểu biết chính mình»? ♦

Việt Nam vào TPP, người Công giáo vào chốn nào?

NGUYỄN KHANG

Tôi thấy có ba khu vực quan trọng cho xã hội: Nhà nước, Thị trường và Xã hội dân sự.

Khu vực một: Nhà nước

Khu này lỗ ló khắp miền không gian Việt Nam. Khu này phủ lưới lên dân tộc. Nếu khéo phủ thì dân được chở che.

Khu vực hai: Thị trường

Ở Việt Nam, ra ngõ là thấy chợ. Đâu đâu cũng thấy những bán cùng buôn. Việt Nam xã hội chủ nghĩa nhưng nay lại đầy rẫy những ông chủ tư bản và công nhân nghèo!

Khu vực ba ở đâu?

Theo Giáo huấn xã hội Công Giáo số 356, khu ba là các đoàn thể trung gian hoặc các tập thể trung gian không trực thuộc Nhà nước và Thị trường.

Khu ba làm gì cho lãnh vực kinh tế? Khu ba cũng có lý tưởng làm công ích, mong muốn tham gia làm cho Việt Nam sớm có nền dân chủ kinh tế bằng cách riêng của những nhóm gồm những con người tự do và có trách nhiệm với vận mệnh tổ quốc. Họ có sáng kiến riêng, nhãn quan riêng nhưng rất độc đáo chứ không quá lệ thuộc vào đảng cầm quyền hoặc ông chủ tư bản.

Khu ba có những hoạt động tư, không bị ông chủ hoặc

Nhà nước kiểm chế. Không những khu ba có tính sáng tạo, nó còn theo dõi hành vi kinh tế của các ông chủ và cơ quan Nhà nước.

Nếu khu một và khu hai nói sai, làm sai, nhận định sai về kinh tế thì khu ba làm gì?

Khu ba sẽ lên tiếng để khu một và khu hai xét lại, nhờ vậy công ích không bị tổn hại.

Nhà nước được mời gọi có thái độ nào đối với khu ba?

Cần “tôn trọng các tổ chức ấy đúng với bản chất của chúng và sử dụng những nét khác biệt của chúng, thực hành nguyên tắc bổ trợ, là nguyên tắc nền tảng đòi phải tôn trọng và cổ vũ cho phẩm giá và trách nhiệm độc lập của phía được bổ trợ (TLHTXHCG, số 357).

Để tạm kết, “xin” đưa ra lời khẩn cầu:

- Thưa quý ông bà ở khu một và khu hai, “xin” sớm cho Việt Nam chúng tôi được nhìn thấy mặt ông bà ở khu ba. “Ba cây chụm lại thành hòn núi cao”. Khi ấy, nước kế bên sẽ phải gờm núi Việt Nam?

- TPP sẽ đến Việt Nam? “Xin” quý ông bà ở khu một chuẩn bị cho dân Việt Nam một vùng đất văn hóa và giáo dục theo tinh thần bổ trợ, liên đới và tham gia để Việt Nam cất cánh thoát nghèo, thoát nhục. ♦

Tôi suy đi gẫm lại Giáo huấn Xã hội về lao động, nhất là số 310-322 nói về NHỮNG ĐIỀU MỚI MẸ: Lao động nay đã thành toàn cầu hóa, công nghệ bây giờ là công nghệ điện tử “nhanh như chớp”. Nhà máy của một đại công ty có thể được đặt rải rác khắp hành tinh. Ông chủ ở một nơi, công nhân nhà máy ở nhiều nẻo, điều mà Giáo huấn Xã hội gọi là “phân mảnh vật lý chu kỳ sản xuất”, “phân tán sản xuất”.

Giáo huấn Xã hội báo động những thách đố do tác động của toàn cầu hóa trong lao động, nhất là trên bình diện đạo đức và văn hóa.

Việt Nam cũng bị những thách đố lao động. Có những điều tiếng là “mới” nhưng thuộc loại “những điều trông thấy mà đau đớn lòng”!

1. NGHỀ BÁN MÁU

Tôi ở bệnh viện để nuôi mẹ bị suy thận. Cạnh giường mẹ tôi là một cụ già miền Tây quá nghèo. Con cái của cụ gãy guộc, vừa nuôi cụ nằm viện, vừa phải đi bán máu mình cho ngân hàng máu để có tiền nuôi cụ và thanh toán viện phí. Ban ngày đi bán máu, ban đêm về lại nhà thương, có điều giường ngủ là ghế đá bệnh viện.

Kết quả của nghề bán máu? Hai vợ chồng rơi vào lao phổi!

2. NGHỀ BÁN THÂN

Chàng sinh viên nghèo, gốc tỉnh lẻ, không trả nổi học phí và tiền trọ. Ngày kia, có người đến rủ đi làm nghề béo bở, trả nổi tiền trường, vừa được bao ăn sung sướng tấm thân, lại được khách hàng Singapore, Malaysia... đưa đi chơi nước ngoài.

Kết quả hành nghề? Chàng bị HIV và mỏng gà ở cơ quan sinh dục.

Tôi chỉ nêu hai nghề tương đối mới (nghề bán thân mới đối với nam), còn những nghề tuy không mới nhưng có thể coi là mới đối với du khách đến Việt Nam.

3. NGHỀ BÁN CHÁO PHỐI

Lương giáo viên ba cọc ba đồng sao nuôi nổi con? Thôi thì ban ngày dạy ở trường, tắt tả cho nhanh về đến nhà để dạy chiều tới đêm.

Kết quả bán cháo phối? Bệnh tật và có thể bị con cái nhìn như xa lạ vì thì giờ với con quá ít!

Những nghề trông thấy mà đau đớn lòng

TÂM HIẾN



4. NGHỀ ĐẤM BÓP GIÁC HƠI

Du khách nghe những tiếng kêu lúc đêm khuya, vang lên trong ngõ hẻm “xúc xắc, xúc xắc”. Du khách chạy ra xem: một thanh niên khuôn mặt gãy gò, gốc di dân Thanh Hóa.

Kết quả những đêm rao xúc xắc: lao phổi.

Vài câu chuyện trên nói lên những nét chấm phá của “một nước Việt buồn” với những nẻo nẻo, với những nghề gây thương tổn cho chủ thể lao động.

Cái nhìn lạc quan của vị Tôi tớ Chúa

Bất giác, tôi nhớ đến cố Hồng y Nguyễn Văn Thuận. Giữa “những

điều trông thấy mà đau đớn lòng”, Ngài viết nên những hàng châu ngọc về Việt Nam trong bài “Con có một tổ quốc”:

Tiếng chuông ngân trầm,
Việt Nam nguyện cầu
Tiếng chuông náo nùng
Việt Nam buồn thảm
Tiếng chuông vang lừng
Việt Nam khải hoàn
Tiếng chuông thánh thót
Việt Nam hy vọng

Giữa những bi thảm của hoàn cảnh chung quanh, vị Tôi tớ Chúa vẫn có cái nhìn lạc quan: “Tiếng chuông vang lừng/Việt Nam khải hoàn”. Trong quyển *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, mà ngài có công khởi thảo, tầm nhìn lạc quan vươn xa đến tầm mức toàn cầu: “Các khía cạnh tiêu cực của sự toàn cầu hoá lao động không được làm tổn hại khả năng mở rộng ra cho tất cả mọi người: *khả năng thể hiện một nền nhân bản về lao động trên phạm vi hành tinh*, thể hiện tình liên đới trong thế giới lao động trên cùng cấp độ toàn cầu, để nhờ làm việc trong những bối cảnh giống nhau, trải rộng khắp thế giới và nối kết với nhau, người ta sẽ hiểu rõ hơn cùng một ơn gọi được chia sẻ cho họ” (TLHTXHC 322).

Thế nào là “cùng một ơn gọi được chia sẻ”? Ta hãy đọc tiếp trong quyển cẩm nang Giáo huấn Xã hội trong phần nói về “Đức Giêsu, con người lao động” (TLHTXHC 259-263):

“Lao động diễn tả một chiều kích căn bản của cuộc sống con người với tính cách sự tham gia không những vào hành vi sáng tạo mà còn vào hành vi cứu chuộc nữa. Những ai chịu đựng những khó khăn vất vả của lao động trong sự kết hợp với Đức Giêsu thì cộng tác, theo một nghĩa nào đó, với Con Thiên Chúa trong công cuộc cứu chuộc của Người và cho thấy họ là môn đệ Đức Kitô vác thập giá hằng ngày trong hoạt động họ được kêu gọi thi hành” ◆

Để vẽ nên hình ảnh về sự lao động cần cù, chăm chỉ trong trí óc trẻ thơ, người ta thường nói về con ong tìm mật, con kiến tha mồi. Hình ảnh ấy quả thật rất dễ thương, chân thực và đầy thuyết phục, không chỉ đối với trẻ con mà ngay cả đối với người lớn. Thoáng nhìn, có vẻ như các con vật cũng “lao động” hết sức cật lực và nghiêm túc chẳng khác gì con người – thậm chí còn hơn, vì có người mạt sát những kẻ lười biếng “sống không bằng con vật”! Liệu lao động của con người và hoạt động của con vật có gì khác biệt?

Có lẽ ai cũng dễ dàng nhận ra rằng, hầu như mỗi loài vật đều có một phương thức kiếm ăn, đào hang, xây tổ, tìm bạn tình, sinh sản... rất riêng và rất đặc trưng. Các phương thức ấy đã được Tạo Hoá “lập trình” và “cài đặt mặc định” cho mỗi loài. Chúng không cần học hỏi và cũng không thể làm khác được. Ví thế, chỉ cần nhìn vào kiểu xây tổ, cách thức đào hang, người giàu kinh nghiệm sẽ biết ngay đó là sản phẩm của con vật nào. Suy cho cùng, mọi hoạt động trong đời sống tự nhiên của loài vật đều quy hướng về hai loại bản năng: bản năng sinh tồn và bản năng duy trì nòi giống.

Con người thì khác. Con người không có bản năng “mặc định” như loài vật. Sự phát triển thể chất, sự định hình nhân cách cũng như trí tuệ, tư duy của mỗi người thường phụ thuộc rất nhiều vào môi trường sống, môi trường văn hoá và giáo dục. Chú bê non ra đời vài tiếng đồng hồ đã có thể tự đứng lên gặm cỏ, nhưng con người thì không thế. Phải đầu tư bao công sức chăm sóc, nuôi dưỡng em bé mới có thể biết đứng rồi dần dà mới biết đi. Con người tự bản chất đã mang tính xã hội và phụ thuộc vào xã hội. Như thế, có vẻ như con người “yếu đuối” hơn các loài vật khác chẳng? Thưa không! Con người có hai quà tặng kỳ diệu từ Đấng Tạo Hoá mà không có loài thụ tạo nào có được: đó là Tự Do và khả năng Lao Động.

Chính vì có tự do, nên con người có thể chọn lựa cho mình cách



sống, cách làm việc, học hỏi, cách hành xử cũng như kiếm tìm hạnh phúc, sao cho phù hợp với hoàn cảnh và năng lực riêng. Những chọn lựa ấy, thường thì chẳng ai giống ai, và được thể hiện bằng lao động – lao động trí óc và lao động thể lực. Điều đặc biệt, con người sử dụng lao động không chỉ để đáp ứng nhu cầu sinh tồn thể chất, lưu truyền giống nòi, mà còn để diễn tả yêu thương, bày tỏ mối quan tâm cũng như thể hiện trí tuệ và tư duy sáng tạo – điều mà không loài vật nào có được. Chính khả năng lao động đã nâng con người lên, tách biệt xã hội loài người ra khỏi các loài thụ tạo khác, đặt con người vào vai trò quản lý, canh tác và chăm sóc cả vũ trụ vạn vật. Như thế, con người đã được Đấng Tạo Hoá ban cho đặc ân tham gia vào công cuộc sáng tạo của Ngài, để tiếp tục làm cho trái đất này xinh đẹp hơn và nhân bản hơn.

Thật diệu kỳ, lao động nếu được gắn kết với yêu thương, nó có thể làm nảy bật khả năng sáng tạo, kiến tạo cuộc sống đẹp hơn, ý nghĩa và đáng sống hơn. Một người vợ tận tảo, luôn quan tâm, chăm sóc gia đình, sẽ biết cách tạo ra những bữa cơm ấm cúng, thơm ngon và đủ dưỡng chất dù chỉ với đồng lương ít ỏi. Một bác sĩ biết xót xa trước cảnh ngộ của bệnh nhân, sẽ tìm cách giúp bệnh nhân giảm đau, mau bình phục mà ít tốn kém... Lao động còn là phương thế để mỗi người tích lũy vốn sống, vốn kinh nghiệm quý báu. Ai yêu thích lao động, “hay

lam, hay làm” thì thường có tính hoạt bát, cởi mở, dễ gần, chẳng nề hà giúp đỡ người khác. Quá trình lao động vất vả còn giúp con người thêm kiên trì, chịu khó, dễ cảm thông và dễ chia sẻ.

Trong đời, có lẽ ai cũng đều hơn một lần trải nghiệm sự kỳ diệu của tình yêu. Tình yêu không những giúp hoà giải những mâu thuẫn, mà còn có sức cảm hoá mạnh mẽ. Tình yêu có thể làm biến đổi một con người, để họ trở nên tốt lành hơn, cao thượng và vĩ đại hơn. Nhưng làm sao có thể diễn tả được tình yêu ấy nếu không được thể hiện bằng những hành động cụ thể ngang qua lao động? Ví như sự vất vả, lao nhọc của mẹ cha sẽ tạo thêm động lực cho con cái học hành, và ghi vào lòng con ý nghĩa của sự lao động chân chính, lương thiện. Haysựtạotảo, chịu thương chịu khó của người vợ vì con cái, vì gia đình, biết đâu sẽ làm mềm lòng người chồng thích đàn đúm, lộng bông? Cứ thế, lao động cứ như những mũi kim chăm chỉ vá lại những rạn nứt cuộc đời, nối kết tình người và làm cho mặt đất trở sinh hoa trái.

Sở dĩ nói thế, bởi nhìn trên cục diện chung, dường như con người đang ngày càng đối xử bạc bẽo với nhau, với môi trường sống và ngay cả với Đấng Tạo Hoá – Đấng đã yêu thương và ưu ái loài người quá nhiều, ban cho con người những đặc ân cao trọng trời vượt trên vạn vật. Thế nhưng con người sử dụng tự do và khả năng lao động với cái tâm hiếu sinh thì ít, nhưng với cái tâm ác tà thì nhiều. Khi con người đem tà tâm vào lao động, thì những “sản phẩm lao động” ấy gây tổn hại khôn lường: thường tình nhất là hàng gian, hàng giả, rồi đến những sản phẩm độc hại bất chấp sức khoẻ con người, và ghê gớm nhất có lẽ là những thứ có khả năng huỷ diệt con người hàng loạt trong nháy mắt như vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học, hoá học... Thay vì sử dụng lao động để hướng đến phục vụ và thăng tiến con người, thì con người lại bị sử dụng như một thứ công cụ lao động để phục vụ cho tham vọng của cái, quyền lực. Thay vì làm cho trái đất này xinh đẹp hơn, xứng đáng là ngôi nhà chung của ▶

► nhân loại hơn, thì con người lại khai thác tài nguyên trái đất tận kiệt, vô tội vạ, bất chấp những hậu quả nặng nề để lại cho con cháu trong tương lai. Con người đang sử dụng những quà tặng tốt lành của Thượng Đế như những hung khí chống lại nhân loại. Con người phủ nhận Thượng Đế và thân phận yếu đuối của mình, muốn thống trị tất cả, bất chấp một sự thật phũ phàng đang diễn ra: nhân loại đang đi vào ngõ cụt của sự bế tắc!

Chợt nhớ đến câu thơ thuở tấm bé: “Con ong tìm mật yêu hoa, con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời...”. Quả đúng thế, các loài vật rất hiền hoà với thiên nhiên, biết “tri túc” với những gì Tạo Hoá ban tặng, chùng mực, đủ dùng, không tham vọng, cũng không tàn phá vô độ. Thế nhưng chúng vẫn luôn an hoà và ca hát với cuộc sống. Con người thì sao? Dường như lòng dạ luôn nặng nề, lo âu, bất an trước những nguy cơ chiến tranh, đói kém, thực phẩm độc hại... Con người đang bó những bó thật nặng đặt trên vai mình và trên vai đồng loại – nếu không phải là trên tất cả. Dường như đến cả Đấng Tạo Hóa thiên nhiên cũng đang phải chịu đựng con người, còn con người thì đang chịu đựng chính mình và chịu đựng lẫn nhau. Phải chăng, đã đến lúc cần bình tâm nhìn lại chính mình, nhìn vào những quy luật của thiên nhiên, đất trời, suy gẫm và học hỏi sự nhỏ bé, hiền hoà của con ong, cái kiến. Thiển nghĩ, chúng đẹp lòng Thiên Chúa lắm thay! Chúng cũng biết “sinh lời” từ “nén bạc” ít ỏi của mình. Có lẽ sẽ chẳng kịp nếu con người không ý thức rằng mình đang nắm giữ trong tay một bảo vật là khả năng lao động, và hãy sử dụng quà tặng ấy cho xứng với tầm vóc con người. Lao động chỉ trở nên cao đẹp nếu được dùng để kết nối yêu thương, kiến tạo hoà bình, và thể hiện lòng biết ơn của con người đối với Tạo Hoá. Ngược lại, nếu sử dụng lao động với tà tâm, ác ý, thì khác nào gieo mật đắng vào lòng đời. Và có lẽ ngay lúc đó, con người đã tự đánh mất chính mình. Bởi dẫu chỉ là Bướm, Ong, chúng vẫn muốn đi tìm mật ngọt... ◆

GÁNH NẶNG

THẢO LI

Trên bờ vai chai sần của mẹ đã gánh biết bao mồ hôi, sự tảo tần, vất vả để nuôi dưỡng mười anh chị em chúng tôi nên người. Không lời than thân hay trách phận. Mẹ đã đến với Người, Người cất gánh nặng ấy và cho nghỉ ngơi bồi dưỡng.

Ngày xưa, gổ phải mềm xuống trên đôi vai và trở nên nhẹ nhàng trên bước đi của mẹ.

Ngày nay, gánh của tôi không phải là một thanh gổ vô tri, không hình thù của đòn gánh, nhưng nó có sức nặng ghê gớm mà tôi phải gánh hàng ngày. Mọi thứ đều đổ vào gánh: thuê nhà, điện, nước, xăng, thức ăn ... cầu Trời cho đừng ốm đau. Vật giá leo thang, gánh lại càng thêm nặng, bước đi càng nặng nề, khó đi.

Gánh mà ai cũng phải gánh đó lại là gánh nợ (xấu) của Quốc gia. Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank), hiện nay một công dân của nước Việt vừa mới chào đời là phải gánh 1.200 USD nợ!

Làm sao để phát triển khi thảm trạng nghèo đói, thiếu thốn về mọi mặt và bất công lan tràn?

Thiên Chúa tạo dựng con người giống hình ảnh của Ngài, biết lao động để mưu sinh và phục vụ công ích. Hành vi của con người có phẩm giá bất khả nhượng, không phải là hàng hóa, được xuất phát nơi con người và hướng đến con người. Lao động để cho con người, chứ không phải con người để cho lao động.

Giáo hội luôn tìm kiếm giải pháp để bênh vực, nâng đỡ, bảo vệ và thăng tiến. Sao cho quyền tư hữu, quyền của những người nghèo và yếu kém được cải thiện. Đặc biệt, quyền lập hội phải được hưởng quyền tự trị thật sự đối với chính quyền, để theo đuổi những mục tiêu riêng bằng cách chân thành cộng tác với nhau và luôn đặt mình phục vụ những đòi hỏi của thiện ích (281 HTXHCG).

Chính quyền có nghĩa vụ phải bảo đảm cho các công dân của mình không bị mất thời gian nghỉ ngơi và sự thờ phượng Thiên Chúa vì kinh tế (286 HTXHCG). Các hệ thống giáo dục không được bỏ qua việc đào tạo nhân bản. Tạo công ăn việc làm, kích thích các hoạt động đang thiếu việc hoặc hỗ trợ các hoạt động trong những cơn khủng hoảng.

Khi mỗi công dân được an cư lạc nghiệp thì gánh nặng không còn đè lên bất cứ một ai. Thế hệ mai sau không còn mang gánh nợ (xấu) kia.

Chúa nói: “Tất cả những ai đang vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi, tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng”. (Mt 11,28). ◆

<http://vtc.vn/moi-nguoi-dan-ganh-25-trieu-dong-no-cong-viet-nam-can-lay-hy-lap-lam-bai-hoc.1.563969.htm>

Đây là lá thư giới thiệu bản thân, của một bạn trẻ 17 tuổi, học sinh trường chuyên của một thành phố lớn, sinh ra và được gia đình giáo dục trong niềm tin Kitô giáo. Bạn trẻ viết để ứng cử Học bổng do một tập đoàn kinh tế tài trợ, dành cho sinh viên theo học Chương trình Cử nhân tại Đại học Hồng Kông.

Trong thư giới thiệu chúng tôi thấy kết quả đáng vui của một công trình giáo dục, cũng như những thách đố khi người trẻ Công giáo bước chân vào đời, đối mặt với thực tế xã hội Việt Nam hiện nay (và vài sự kiện có lẽ không như người lớn thường hình dung). Do đó chúng tôi đã xin phép tác giả lá thư được trích đăng, như một “dấu chứng” đức tin trong cuộc sống của một gia đình Công giáo Việt Nam, và dĩ nhiên kèm theo đó là... những thách đố!

Vào đời

CÁT NGUYỄN



Ngày ... tháng ... năm 20...,

Kính gửi Hội đồng Xét tuyển học bổng,

Tôi viết thư này để tự giới thiệu bản thân. Rất xin lỗi nếu có gì sai sót bởi đây là lần đầu tiên tôi làm việc này.

Tôi sinh ra trong một gia đình có 3 người, gồm ba tôi, mẹ tôi và chị gái. Tôi được dạy phải luôn trung thực trong mọi hoàn cảnh, và sự trung thực đã trở thành điều mà tôi tự hào nhất trong cuộc sống của mình. Quý vị có thể đặt câu hỏi, tại sao tôi lại trình bày điều này trước tiên? Và đây là lý do: bởi tôi biết rằng nếu mình có thể vượt qua các ứng viên khác và giành được học bổng, tôi sẽ được yêu cầu cam kết làm việc cho tập đoàn sau khi tốt nghiệp. Vì vậy, nếu quý vị chọn tôi, quý vị cần biết rằng tôi sẽ không bao giờ đánh đổi sự trung thực của mình cho bất cứ điều gì. Nếu có bất cứ điều gì trong công việc buộc tôi phải làm trái với phương châm sống của mình, thì Hội đồng xét tuyển có thể bỏ qua Hồ sơ xin học bổng của tôi để không lãng phí thời gian của quý vị.

Còn nếu không, tôi xin được tiếp tục câu chuyện. Từ lớp 1 đến lớp 5, môi trường học tập của tôi rất tốt, hoàn toàn không có sự gian lận. Cho đến khi đó, cuộc sống đối với tôi thật tuyệt vời. Nhưng vào năm lớp 6, tôi đã bị sốc khi lần đầu tiên chứng kiến bạn học không trung thực. Tôi vẫn nhớ vào lúc đó, sau bài kiểm tra, tôi đến gặp cô giáo để kể lại sự việc. Cô nói với tôi sẽ khiển trách những trường hợp vi phạm, nhưng cô đã không làm. Đó là lúc tôi nhận ra rằng, đôi khi người ta hành động sai nhưng vẫn không bị phạt, và tôi sẽ phải chấp nhận điều đó nếu muốn tiếp tục hoàn thành việc học. Theo thời gian, tôi trưởng thành hơn nhưng vẫn luôn tự hỏi mình: nên gian lận để có thành tích tốt hay phải chăm chỉ hơn nữa để đạt được thành quả công bằng? Đôi khi tôi gần như đánh mất chính mình và bắt đầu nghĩ đến việc gian lận, nhưng tôi đã không làm vậy. Từ trước đến nay, chỉ duy nhất một lần tôi phải hối tiếc, đó là lần tôi mở sách để kiểm tra câu trả lời trong bài kiểm tra năm lớp 8. Sau đó tôi vô cùng hối hận và tự hứa với lòng sẽ không bao giờ làm điều đó thêm một lần nào nữa. Câu chuyện kết thúc ở đó, và tôi tự hào khẳng định rằng, nếu chọn tôi, điều đầu tiên mà quý vị nhận được chính là sự trung thực.

Mặt khác, tôi còn có tư duy logic tốt. Từ lớp 1 đến lớp 9, tôi luôn nằm trong số 3 người có điểm số cao nhất lớp. Từ lớp 10 đến nay, trong lớp học 38 học sinh, tôi thường xếp ở thứ hạng từ 13 đến 20. Điểm cốt yếu là tôi không hề học thêm, trừ một khóa tiếng Anh năm lớp 6 và 3 tháng học Hóa. Có thể nói, không phải dễ mà giữ được thứ hạng như vậy trong môi trường học tập mà mọi người không xem trọng sự trung thực như bản thân mình.

Cuối cùng, tôi muốn giới thiệu về năng khiếu của mình trong lĩnh vực kinh doanh. Tôi không có tiền tiêu vặt, từ lớp 1 đến lớp 9, nên khi chơi bất kỳ trò chơi trực tuyến nào tôi đều tự tìm cách kiếm ra tiền. Tôi phải thừa nhận mình đã rất thành công trong việc này. Chỉ cần khoảng 1 tuần, tôi có thể biết được giá của mọi thứ trong trò chơi, bao gồm cả các loại hàng hóa vốn được mua bán liên tục để có tiền. Và nếu có bất cứ mặt hàng nào được bán thấp hơn giá bình thường, tôi ▶

► sẽ mua lập tức và bán lại để có lời. Trong thời gian này tôi đã học hỏi được rất nhiều điều. Tôi biết rằng nếu ta có một khoản tiền nhỏ, thì khi mua vật gì đó với giá rẻ, ta phải bán nó lại thật nhanh để có tiền mua món khác. Chỉ cần xem qua món hàng và trả một mức giá thấp hơn, nếu người bán chấp nhận, ta sẽ tiết kiệm được rất nhiều tiền. Còn nếu họ không đồng ý, ta vẫn có thể trả lại ở mức giá bình thường, nhưng họ sẽ bán nó cho ta dễ hơn nhiều. Còn rất nhiều điều thú vị khác nhưng tôi không thể nhớ hết ngay lúc này.

Bởi vì tôi biết về học bổng này quá trễ và kỹ năng viết của tôi chưa tốt lắm! nên không thể chuẩn bị một thư giới thiệu tốt hơn. Tôi xin phép được kết thúc lá thư tại đây. Cảm ơn Hội đồng Học bổng đã quan tâm.

Trân trọng,

Đường đời bạn trẻ còn dài, bạn sẽ phải tiếp tục chiến đấu để chọn lựa giữa các sự Đúng/Sai, Thiện/Ác, Lợi/Bất lợi, đặc biệt trên đất nước Việt Nam, nơi hệ thống chính trị vừa vô thần vừa giành độc quyền trong mọi lãnh vực để bằng mọi cách - kể cả giết chết chất Thiện trong con người, hoặc làm cho người trẻ không phân biệt được đâu là Đúng, đâu là Sai, qua một hệ thống sai lỗi từ căn bản - miễn bảo vệ, tích lũy cái lợi vật chất, quyền lực ăn trên ngồi trước cho đảng/nhóm của mình.

Môi trường sống, nói riêng môi trường lao động của Việt Nam, sẽ ngày càng gian dối hơn, khó khăn hơn cho người lương thiện giữ được mình? Hay người lớn, những người chịu trách nhiệm với di sản để lại cho con cháu sẽ làm hết sức lực, ngăn chặn sự tha hóa, để bảo vệ QUYỀN VÀO ĐỜI TRONG SỰ LƯƠNG THIỆN của con cháu mình?

Biết rằng Giáo hội đã dạy: *Các quyền lợi của người lao động, cũng như tất cả các quyền khác, đều dựa trên bản tính và phẩm giá siêu việt của con người.* Huấn quyền xã hội của Giáo Hội đã nhận thấy nên liệt kê một số trong các quyền ấy, với hy vọng rằng chúng sẽ được nhìn nhận trong các hệ thống tư pháp: quyền hưởng lương công bằng; quyền nghỉ ngơi; quyền "có được môi trường làm việc và với những quá trình sản xuất không làm hại tới sức khoẻ thể lý hay đời sống luân lý của người lao động"; quyền được bảo vệ nhân cách của mình tại nơi làm việc "mà không phải chịu một thương tổn nào đối với lương tâm hay phẩm giá của mình". (TLHTXHCĐ số 301) ♦

1. Thư viết bằng tiếng Anh.



Kỷ sự Huế

KỶ II

ĐÔNG TÂY

(tiếp theo kỳ I và hết)

...vật suýt được lên báo", lại một tràng cười vang lên giữa trưa hè. Mọi người lên xe, tài xế điều khiển cho xe quay đầu lại rất khó khăn, vì đường nhỏ, hẹp, đất lún.

Xe tiếp tục đưa anh chị em đến xã Nguyệt Biểu, liền kề với phường Đức, nơi có lăng 12 vị "thảo tượng". Anh chị em phân chia cho nhau, mỗi người một nén hương, cùng nhau dâng lời cầu nguyện, đọc kinh, bày tỏ lòng thành kính với những người đã chấp nhận chết, để làm chứng cho Thiên Chúa.

Rời các thánh tích lúc 12 g 30, xe đưa chúng tôi về dùng cơm trưa tại nhà xứ Phanxicô. Vừa đến nơi, tiếng cười, đùa ồn ào lại vang lên. Thủy lại lên tiếng chọc ghẹo anh Thiện làm cho anh hơi bị què về sự nhầm lẫn của mình, riêng đối với tôi sự chọc ghẹo ấy có cái gì thân thương, và sự nhầm lẫn ấy làm cho mọi người tìm hiểu thêm ý nghĩa của việc truyền giáo và sống đạo thời phong kiến.

Chúng tôi vào phòng ăn, cha H và một linh mục bạn của cha tươi cười chào đón đoàn con đã trở về. Anh chị em chào hai cha, đi rửa mặt, rồi mọi người được mời vào bàn ăn. Sau khi cùng hai cha đọc kinh, không khí trở nên ồn ào như vỡ chợ, cha hỏi thăm đàn con về các buổi sinh hoạt tại La Vang, các con tranh nhau thưa chuyện cùng cha, tiếng mời chào "dzô dzô" thật là hào hứng. Cuộc hành trình từ Quảng Trị về Huế, chuyến thăm chùa Linh Mục và các thánh tích làm cho anh chị em ai cũng đói, thức ăn ngon bày trên bàn lại rất hấp dẫn, nhiều món ngon lạ, làm cho ai cũng tập trung vào "chuyên môn" một cách cao độ và thật sự nghiêm túc. Món mực luộc chấm nước mắm gừng tuyệt vời, món cá "bóp", rau sống cuốn bánh tráng, canh măng với cá thác lác ăn kèm với bún, món gà nấu với xả chấm bánh mì. Đặc biệt là món cúm nùm xào chua ngọt, không biết tôi còn quên món gì? Anh chị em ai nhớ xin nhắc dùm, hi hi! Lúc ấy mọi người như đang chiến đấu, với nhiệm vụ được giao là dọn sạch những gì hiện diện trên bàn. Tôi âm thầm, một mình thanh toán món gà với bánh mì, canh cá thác lác với bún cách say sưa không mệt mỏi, liếc qua thì thấy anh Kế và chị Viên cũng đang lặng lẽ, nhưng rất nhiệt tình với món bánh tráng cuốn rau sống và "cá bóp", không kém gì tôi (xin lỗi, nếu không muốn nói là có phần hơn tôi). Đảo mắt một lượt để tìm anh Luật nhà ta, thì ra anh ẩn mình vào

cuối bàn một cách kín đáo, bao chung quanh anh là các chị Huệ. Một chị đang giới thiệu các món ăn và cách chế biến, trong khi anh thì đang từ tốn – nghĩa là từ từ mà tốn – đặc chỉ thưởng thức món ngon vật lạ một cách thông thả. Nói về anh Kế thì sau khi đã tạm no, thấy món “cúm nùm” còn nhiều nên mời tôi dùng thêm, tôi nhớ là mình gặm mãi mà chẳng thấy thịt, thực tình là chỉ mút rồi bỏ đi, vì toàn là vỏ mà lại rất cứng. (Sau này anh cho biết là tùy theo mùa, ngư dân mới đánh bắt được loại này, và đặc biệt là thịt dồn sang càng bên phải. Xin lỗi anh Kế có biết là anh mời tôi toàn là càng bên trái ?!).

Chờ cho mọi người lên tinh thần, vì đã lưng lửng dạ, nạp lại tạm đủ năng lượng, chị H mời anh chị em tóm lược lại cuốn “Tóm lược HTXHCG, cũng như đúc kết lại các buổi sinh hoạt”. Anh K thay mặt anh chị em Huệ, đứng lên phát biểu: “Kính thưa các Cha và Anh Chị Em... sáng nay tại La Vang anh Tây nói... với tôi...” và rồi anh K lặng người nói không nên lời, rơm rớm nước mắt. Anh Kế ngồi cạnh đã xoa lưng và nắm tay anh mong rằng anh sẽ bớt xúc động. Thời gian như lắng lại, mọi người im lặng, chăm chú lắng nghe. Ngồi đối diện, tôi thót tim vì không biết sáng nay mình nói gì xúc phạm để anh ra nông nỗi này (hết hồn), định thần lại, tôi xin phép chị H được tiếp lời anh K: “Thưa Cha và Anh Chị Em sáng nay khi đi uống cà phê về, tôi có nói với anh K ‘điều anh chị em mình hay trần

trở là chẳng có gì ràng buộc anh chị em mình trong việc đến với nhau để học hỏi, lúc đến lúc đi, nay có lẽ Chúa đã soi sáng, chúng ta đã có câu trả lời. Trước tiên, chúng ta giao ước với Thiên Chúa, ngài sẽ nối kết anh chị em chúng ta lại với nhau, sẽ dẫn đường và sẽ an bài mọi sự cho chúng ta”. Sau giây phút lắng đọng, sự ồn ào trở lại, anh Luật được triệu tập lên ngồi cạnh cha H để có đôi lời cùng các cha và anh chị em. Anh dùng dằng, quyến luyến chẳng chịu đi, vì ngồi cạnh các chị Huệ, được các chị ân cần chăm sóc. Thủy đứng lên xúi anh Luật nên nêu nguyện vọng xin ở lại chỗ cũ, làm mọi người cười ồ. Và rồi Luật cũng phải lên ngồi cạnh các cha, nói lời cảm ơn, chia sẻ rằng những tình cảm thân thiết của cha H, anh chị em Huệ, là động lực thôi thúc anh chị em SG phải cố gắng duy trì tập san, thực hiện những công việc mới, và mong mỏi rằng anh chị em Huệ sẽ hỗ trợ bằng những bài viết, những ý kiến giúp cho

việc học và hành, sẽ phát triển như ông Minh và cha H hằng mong muốn.

Lần lượt tất cả mọi người đều nêu lên sự cần thiết phải học, phải kiên trì với những việc đang làm, dù còn nhiều gian nan, dù sức khỏe chưa tốt, và còn nhiều vất vả trong việc mưu sinh.

Đến 14 g 30 cha H tiễn anh chị em ra về, mọi người ai cũng ân cần bắt tay nhau thật chặt và lâu như còn muốn nói với nhau nhiều. Anh K đưa chúng tôi về lại nơi nghỉ, hẹn sẽ quay lại đưa chúng tôi ra phi trường Phú Bài lúc 17 giờ để kịp giờ về lại SG trên chuyến bay khởi hành lúc 18 g 10 (anh chị em SG mong rằng sẽ không bị hoãn chuyến bay, vì chiều hôm trước, theo lời một anh kể máy bay đã bị hoãn đến 5 lần, khiến hành khách phải lên tiếng, và mãi đến hơn 1 giờ sáng ngày hôm sau khách mới về đến nhà, thật khủng khiếp).

Đúng giờ anh K và anh Thiện đưa chúng tôi đến sân bay, rồi về lại Huế ngay sau đó. Sau khi làm thủ tục sân bay và cân hành lý xong, thấy còn sớm nên anh Cả rủ mọi người ra quán trước sân bay uống cà phê. Tôi và Luật lững thững đi bộ ra quán, những người còn lại chưa chịu đi, ra đến nơi anh Cả và Luật gọi cà phê, tôi gọi

tô mì gói. Trong khi chờ cà phê thì thấy những người còn lại lục đục kéo ra, trên tay linh kính hành lý, nhất là Thủy (nhân vật nặng ký mà tôi sẽ “miêu tả” sau). Khi tô mì được đem đến cho tôi, có lẽ mùi thơm tỏa ra đã làm mọi người thấy đói bụng, bấy giờ chị Vân với lời thông báo thật dễ thương, anh chị em cứ thoải mái kêu món ăn vì đã có quỹ đài thọ. Thủy là người hưởng ứng trước tiên.

Mọi người đều gọi bánh mì trứng, riêng anh Kế gọi bánh mì bò. Trong lúc mọi người chờ quán mang ra, tôi đang xì xụp với tô mì, thì bánh bột lọc của anh chị em Huệ tặng cho anh chị em SG được mang ra, sẵn nước mắm của quán ăn, thế là mọi người bóc bánh, chấm nước mắm ớt ăn một cách say mê. Quán ăn phục vụ quá chậm, gần 15 phút vẫn chưa đưa đồ ăn ra, và khi đem ra lại thiếu bánh mì. Thế là lại phải đợi, món



Đài tưởng niệm thánh Tổng Viết Tường tại phường Đức, được xem là nơi vị thánh đã bị xử trảm năm 1833.



Đài tưởng niệm 12 Ông Cô, vì Đạo Chúa mà chịu án “Thảo Tượng”

▶ bánh mì bò của Kế là phải chờ lâu nhất. Xin kể về nhân vật nặng kí, không những theo nghĩa bóng và nghĩa đen như thông thường, mà phải nói là nặng kí về nhiều nghĩa. Thứ nhất, anh ít khi xuất hiện trong các buổi học, anh chỉ xuất hiện khi lớp tổ chức thảo luận chuyên đề, chiếu phim, mời linh mục hay giảng viên đến hỗ trợ cho một bài học, lúc ấy nhân vật VIP mới xuất hiện với quần áo tươm tất, nước hoa thơm phức. Thủy còn nặng kí về cân nặng có lẽ sắp xỉ 90 kg. Hành trang cho chuyến đi của anh cũng quá tải, đến nỗi lướt về Thủy phải mặc vào người 2 bộ quần áo, thêm cái áo khoác, và hành lý phải cân chung với mọi người, để đúng với số kg hành lý xách tay theo qui định. Và cuối cùng, anh ta cũng là nhân vật nặng kí trong làng ăn uống, thanh toán hơn 20 cái bánh bột lọc, một ổ bánh mì trứng, bánh ngọt, anh còn hỏi nước thánh mang ở Đức Mẹ La Vang còn không. Trước đó một mình anh đã uống một chai 2 lít. (Xin lỗi Thủy, nếu có gì quá, xin bỏ qua cho mình).

Giờ khởi hành đã đến, mọi người vào làm thủ tục rời Huế về SG. Chuyến bay khởi hành đúng giờ. Tuy nhiên do thời tiết xấu, máy bay bị hoãn, lắc nên chậm 20 phút. Khi đến Tân Sơn Nhất, do tôi ngồi cạnh cửa sổ, thấy thành phố SG hiện ra và trước mắt là sân bay, nhưng máy bay sao cứ bay vòng vòng chưa chịu đáp, sau này mới biết do là hàng không giá rẻ, nên phải ưu tiên cho các hãng hàng không khác cất và hạ cánh trước, khi nào có chỗ trống mới đến lướt mình. Đúng 20 g 45 chúng tôi chia tay nhau, mỗi người một ngả, ai cũng vội vàng để trở về với gia đình. Tôi, chị Viên, Thủy gần nhà nhau nên đi chung taxi.

Ngồi viết những dòng này, tôi chợt nhớ khoảng 5 năm về trước. Trong một buổi họp mặt tại một quán ăn nhỏ gần Tu Viện Mai Khôi, đường Tú Xương, anh chị em hiện diện có nêu ra câu hỏi: "Lý do gì đã đưa anh chị em đến để học hỏi, chia sẻ về những "học thuyết" khô khan, khó hiểu của GHXH, mà trong thực tế cũng chưa được sự quan tâm, hưởng ứng của các tu sĩ và các giáo xứ?" Có ý kiến cho rằng "sự kiện Thái Hà" làm cho hàng giáo phẩm Việt Nam chia rẽ, giáo dân hoang mang, rồi đất nước Việt Nam đe dọa có chiến tranh vì sự bành trướng của Trung Cộng. Thậm chí có người cho biết là muốn sử dụng thời gian cho hữu ích, có người vì tò mò. Đến lượt tôi, chị Viên hỏi: Còn anh thì sao? Xin thưa rằng: "Tôi đến đây vì yêu thương, quý trọng anh chị em, anh chị em đã âm thầm, bền bỉ tổ chức các buổi học hỏi, cầu nguyện, chia sẻ. Từ nhà dòng này đến tu viện nọ, đúng theo câu này đây mai đó" (vì thực ra chưa có đơn vị hay hội đoàn nào đỡ đầu cho anh chị em). Và hôm nay, tôi lại có thêm nhiều điều để tin yêu anh chị em hơn nữa, vì những điều anh chị em học và thực hành bấy lâu nay đã được Thiên Chúa chúc lành, các hoạt động như: Phòng tham vấn, tập san học hỏi GHXHCG xuất bản định kỳ, đĩa nhạc cổ vũ GHXHCG, các tập truyện tranh giáo dục giới tính như "Mẹ và con gái", "Bố và con trai". Và, hình ảnh sống động của hôm nay, là sự nối kết với anh chị em Huế, không xa nữa là với anh chị em Hà Nội, thêm một trang web với nhiều kỳ vọng sẽ ra mắt không lâu.

Điều đọng lại cuối cùng tôi muốn chia sẻ với mọi người để cùng nhau suy tư, trân trọng, đó là những giọt nước mắt, của một người trẻ, tuy chưa hề trải qua chiến tranh và một người nay tóc đã bạc màu. Cả hai tuy về tuổi tác có sự tương phản, một mái đầu xanh chưa từng thấy một ngày dài trên quê hương đầy tiếng súng, một mái tóc bạc đã từng dạy dỗ bao lứa học trò, giờ lại bắt đầu đi học. Những giọt nước mắt trông thật đơn sơ, tự nhiên chảy ra và đọng lại trong lòng mọi người. Những nụ cười mỉm hay chỉ là hé môi cười trên những khuôn mặt nhiều suy tư trước đây, giờ đã vang lên thành những tiếng cười giòn giã, tươi vui, tràn đầy hy vọng. Xin tóm kết bài ký sự bằng các từ HUẾ, NƯỚC MẮT VÀ NỤ CƯỜI. ♦

Công viên Sao Biển nằm giữa những cụm dương xỉ vút cao, nhà hàng, khách sạn, quán rượu và cà phê dọc dài bờ biển Mỹ Khê đầy cát trắng. Trong công viên tôn giáo duy nhất ở Đà Nẵng có tượng Đức Mẹ Sao Biển, tượng Chúa Giêsu Kitô và Thánh Giuse.

Công viên rộng 5.000 mét vuông hàng ngày thu hút hàng trăm du khách và khách hành hương tới cầu nguyện và tìm sự an bình khi thả bước trên những lối đi bê tông uốn lượn qua những thảm cỏ xanh ngát, cây cảnh và hoa lá. Khách hành hương còn thấp nhang, dâng hoa dưới chân các tượng thánh.

Tuy nhiên, rất ít du khách biết được lịch sử của các bức tượng, công viên nằm bên cạnh tu viện dòng Thánh Phaolô thành Chartres, và công lao của các nữ tu cao tuổi đóng góp cho công viên tâm linh này.

Năm 1960 các nữ tu dòng Thánh Phaolô đến vùng đất này xây tu viện, trồng cây ăn trái, rau củ, chăn nuôi và làm nước mắm.

Nữ tu Anna Nguyễn Thị Hòa làm việc ở tu viện này từ năm 2004, cho biết sau năm 1975 chính quyền thành phố Đà Nẵng lấy khu đất rộng hơn 5.000 mét vuông nơi có nhà chế biến nước mắm, trại chăn nuôi gia súc của tu viện để cấp cho cán bộ. Sau đó cán bộ bán lại cho những người khác xây dựng các nhà hàng, khách sạn, quán xá.

"Nhà dòng chúng tôi đã làm đơn gửi lên chính quyền để đòi lại đất nhưng họ không giải quyết", Sơ Hòa nói.

Nữ tu 72 tuổi kể rằng năm 2005 chính quyền mở con đường chạy dọc bờ biển và lấy tiếp 5.000 mét vuông đất nữa có sẵn tượng Đức Mẹ Sao Biển và tượng Thánh Giuse để làm công viên mà không đền bù cho các nữ tu. Tượng Đức Mẹ đã được các nữ tu dựng năm 1974.

Các nữ tu cương quyết không chịu di dời tượng Đức Mẹ đi nơi khác. Họ làm một cái chòi mái tôn che mưa nắng cho tượng Đức Mẹ, và "các nữ tu già chúng tôi thay nhau ngồi đó đọc kinh đêm ngày trong khi chính quyền vẫn cho xe ủi san lấp mặt bằng xung quanh để làm công viên", sơ Hòa kể lại.

Chị nói chính quyền vẫn tiếp tục yêu cầu các nữ tu di dời bức tượng đi nơi khác cho đến năm 2006 khi bão Xangsane ập vào Đà Nẵng và các tỉnh thành khác. Bão làm 65 người chết, 500 người khác bị thương

CÁC NỮ TU TRANH ĐẤU BẢO VỆ CÔNG VIÊN TÔN GIÁO CHO KHÁCH HÀNH HƯƠNG

PETER NGUYỄN

và làm hư hại 90.000 căn nhà ở Việt Nam.

“Khi ấy người dân địa phương rất ngạc nhiên khi thấy mái che và tượng Đức Mẹ vẫn đứng đó không hề hư hại gì trong khi các cây to lớn xung quanh bị bão đánh ngã đổ”, nữ tu nói.

Sau đó chính quyền công nhận tượng Đức Mẹ trong công viên và đặt tên Công viên Sao Biển.

Năm 2008 các nữ tu cho xây lại bệ chân tượng và làm mái bằng kính và khung sắt chắc chắn. Đức giám mục giáo phận hàng tháng tới dâng lễ cho tu viện và ra viếng tượng Đức Mẹ.

Chị Hòa, đảm nhiệm việc chăm sóc các bức tượng trong công viên, cho biết năm 2012 một cán bộ lấn chiếm một phần đất công viên dựng quán bán bia rượu và định xây một nhà hàng ở đó.

“Các nữ tu cao tuổi kể cả các bà ngồi xe lăn kéo ra hiện trường và nói với ông cán bộ rằng đây là đất của nhà dòng và yêu cầu ông dừng việc xây dựng ngay”, chị Hòa kể. “Tài sản của Giáo hội phải được dùng cho các mục đích chung chứ không phải lợi ích cá nhân”. Thế là ông cán bộ rút lui.

Sau đó các nữ tu dựng một cây thánh giá ở đó lúc đêm khuya nhằm tránh sự ngăn cản của bảo vệ công viên.

Rồi bảo vệ đến yêu cầu các nữ tu đưa thánh giá đi nơi khác nhưng “tôi nói với họ chúng tôi dựng thánh giá



để bảo vệ công viên và môi trường”. Khách đến ăn uống ở hàng quán rồi tiểu bậy ở công viên và nhân viên hàng quán cũng đem rác đổ ra công viên nên công viên có mùi rất hôi thối. Nếu tiếp tục xả rác như vậy là làm mất vẻ đẹp văn minh của thành phố, chị giải thích với họ.

“Tôi nói với họ công viên có tượng thánh và tu viện là những địa điểm tôn giáo cần được tôn trọng. Chúng tôi giúp làm đẹp cho công viên để du khách tới thường lăm, chụp hình và cầu nguyện”.

Nữ tu nói mặc dù công viên do nhà nước xây dựng nhưng đây là đất của Giáo hội và công viên là một địa điểm tâm linh vì những lý do sau: hướng đông là biển Mỹ Khê hàng ngày có ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào; hướng tây giáp tu viện có đặt Minh Thánh Chúa; phía nam có tượng Đức Mẹ Sao Biển; hướng bắc có tượng Chúa Giêsu đứng gần bên Thánh Giá.

Năm 2014 các nữ tu hoàn thành việc xây dựng công viên tôn giáo này

khi 30 người gồm cả giáo dân dựng một tượng Chúa Giêsu lúc nửa đêm gần bên thánh giá tại công viên. Bảo vệ công viên nói họ dựng tượng trái phép và yêu cầu dời đi nhưng các nữ tu không chịu.

“Chúng tôi tin là Chúa bảo vệ chúng tôi vì chính quyền không còn yêu cầu chúng tôi di dời tượng nữa”, nữ tu nói.

Chị Hòa phụ trách mục vụ cho khách hành hương ở tu viện. Hàng tháng có từ 10-30 nhóm, mỗi nhóm từ 10-100 khách tới tĩnh tâm ở tu viện và thăm quan công viên Sao Biển như một phần trong tour du lịch của họ.

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh quê ở Tam Kỳ cho biết “Tôi đến đây mỗi năm hai lần để tạ ơn Đức Mẹ Sao Biển đã chữa con trai tôi khỏi bệnh ung thư gan năm 2011”. Bà đặt bó hoa hồng dưới chân tượng Đức Mẹ rồi lặng yên cầu nguyện.

Con trai bà bị các bác sĩ từ chối điều trị sau khi chữa trị nhiều tháng tại bệnh viện Huế. “Tôi tin

Đức Mẹ và hứa sẽ tới đây thăm Mẹ hàng năm sau khi Mẹ chữa lành con tôi và Mẹ đã nhậm lời tôi. Con tôi đã bình phục rồi”, bà kể.

Ông Phaolô Nguyễn Thế Lân hàng ngày đi xe đạp tới công viên để lần hạt và lau dọn các bức tượng trong suốt chín năm qua. Ông bị tai biến và liệt hai chân năm 2005. Con gái ông đưa ông đến công viên cầu nguyện và tập đi thường xuyên và ông đi lại được.

“Tôi biết ơn các nữ tu đã can đảm đấu tranh bảo vệ các bức tượng trong công viên để mọi người đến cầu nguyện và thư giãn sau giờ làm việc”, ông cụ 75 tuổi cho biết.

Ông nói tin đồ các tôn giáo khác cũng đến dâng hoa và thắp nhang trước các bức tượng trong công viên. Nhiều người còn đặt các bìa tạ ơn quanh tường tu viện.

“Đức Mẹ Sao Biển đã trở nên quen thuộc với người dân địa phương và cả người ngoài Công giáo nữa”, ông Lân nói. ♦

“Lao động diễn tả một chiều hướng căn bản của cuộc sống con người, như một sự tham gia không những vào hành vi sáng tạo mà còn vào hành vi cứu chuộc nữa. Những ai chịu đựng những khó khăn vất vả của lao động bằng cách kết hợp với Đức Giêsu là gần như đã cộng tác với Con Thiên Chúa trong công cuộc cứu chuộc của Người, và chúng tỏ mình là môn đệ Đức Kitô đang mang Thánh giá mỗi ngày trong những hoạt động mà Chúa mời gọi mình thi hành...”

(Trích số 263, sách Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo)

